

SỐ 211

KINH PHÁP CÚ THÍ DỤ

Hán dịch: Đời Tây Tấn, Sa-môn Pháp Cự và Pháp Lập.

QUYỂN 1

Phẩm 1: VÔ THƯỜNG

Thí dụ 1:

Thuở xưa, trời Đế Thích bỗng nhiên mất đi năm đức tướng, nên tự biết mình sắp mạng chung, tái sinh vào thai một con lừa trong nhà người thợ làm đồ gốm. Năm đức tướng là gì?

1. Hào quang trên thân mất.
2. Hoa trên đầu khô héo.
3. Không còn ưa thích chỗ ngồi của mình.
4. Mồ hôi nách chảy hôi dơ.
5. Bụi bám trên thân.

Đế Thích nhân năm việc này, biết phước mình đã hết nên rất lo buồn. Ông nghĩ trong tam giới chỉ có Phật mới cứu độ được khổ ách cho chúng sinh, nên vội chạy đến chỗ Đức Phật. Bấy giờ Đức Thế Tôn đang tọa thiền nhập Phổ tế tam-muội trong thạch thất trên núi Kỳ-xà-quật. Thiên đế đến nơi gặp Đức Phật liền cúi đầu đánh lễ, phủ phục sát đất, chí tâm quy mạng Phật, Pháp, Tăng. Trong khoảng thời gian cúi mình làm lễ, Thiên đế mạng chung, thần thức liền nhập vào thai một con lừa trong nhà người thợ đồ gốm. Lúc ấy, lừa mẹ tự bứt đứt dây, chạy loạn vào chỗ đồ gốm chưa nung, làm đổ vỡ rất nhiều. Người chủ rất giận, bèn xách cây rượt đánh, lừa mẹ nhân đó bị xảy thai. Thần thức của Thiên đế liền thoát khỏi thai lừa, nhập lại thân cũ, đầy đủ năm đức tướng như xưa.

Đức Phật trong lúc định tam-muội biết việc đó, tán thán:

–Lành thay! Nay Thiên đế, ông có thể đến lúc sắp mạng chung biết quy mạng Tam bảo, tội nghiệp đã xong, không còn thọ khổ báo nữa.

Bấy giờ Đức Thế Tôn lại nói bài kệ:

Các hành vô thường

Là pháp thịnh suy

Sinh thì phải tử

Diệt là an vui.

Như nhà thợ gốm

LINH SƠN PHÁP BẢO ĐẠI TẠNG KINH

Nấn đất làm đò

Tất cả đều hoại

Mạng người cũng thế!

Đế Thích nghe kệ xong liền biết yếu nghĩa vô thường, thông lẽ biến đổi tội phước, hiểu rõ tội gốc thịnh suy, tuân theo lý đạo tịch diệt, hoan hỷ phụng trì Chánh pháp, đắc quả Tu-đà-hoàn.

M

Thí dụ 2:

Thuở xưa, Đức Phật trú tại tinh xá nước Xá-vệ thuyết pháp cho hàng trời, người, rồng, quỷ. Lúc ấy, mẹ vua Ba-tư-nặc tuổi hơn chín mươi chợt lâm trọng bệnh, vì trị không đúng thầy đúng thuốc nên đã qua đời. Vua và quần thần theo pháp làm lễ tang rồi đưa đi an táng. Tang sự xong, vua và quần thần trở về, ghé ngang qua chỗ Phật. Lúc ấy vua cởi mũ tháo giày bước đến làm lễ bên chân Phật. Đức Phật mời vua ngồi xuống rồi hỏi:

–Vua từ đâu đến mà quần áo xốc xếch, vẻ mặt tiêu tụy? Sao lại ra nông nỗi này?

Nhà vua cúi đầu đáp:

–Thái hậu, mẹ con tuổi hơn chín mươi mắc phải trọng bệnh vừa mới qua đời. Con đưa linh cữu ra mộ rồi trở về ghé qua đây thăm Đức Thế Tôn.

Đức Phật bảo với vua:

–Từ xưa đến nay có bốn việc đáng sợ nhất, đó là: Sinh ra rồi phải già yếu gây guộc; bệnh phải héo hon hình dung; chết thần thức đi mất, xa lìa thân thuộc. Đó là bốn việc chẳng hẹn cùng người. Vạn vật vô thường, không kể dài lâu. Mỗi ngày trôi qua, mạng sống lần giảm. Như nước năm sông ngày đêm chảy mãi không ngừng, mạng người mau qua cũng như vậy.

Bấy giờ, Đức Thế Tôn liền nói kệ:

Như sông chảy mau

Theo dòng trôi mãi

Mạng người cũng thế

Qua không trở lại.

Rồi Đức Phật nói với vua:

–Mọi vật trên đời đều như vậy, không có cái gì trường tồn. Mọi người đều phải chết, không ai tránh được lẽ này. Các vị Phật, chân nhân, tiên ngũ thông, quốc vương thuở xưa nay có còn đâu? Vua không nên buồn thương vô ích có hại đến thân mình. Làm người con hiếu thương yêu cha mẹ quá vãng thì phải làm phước, tu tạo công đức hồi hướng cho cha mẹ, như là chuẩn bị lương thực gửi cho người thân lúc đi xa.

Nghe Đức Phật dạy xong, vua và quần thần đều hoan hỷ, không còn lo buồn. Những người đến nghe pháp đều thấy được đạo.

M

Thí dụ 3:

Thuở xưa, Đức Phật trú trong vườn Trúc tại thành La-duyệt-kỳ. Một hôm Ngài cùng các đệ tử nhận lời thỉnh vào thành thọ trai thuyết pháp. Xế chiều, Đức Phật và các

LINH SƠN PHÁP BẢO ĐẠI TẠNG KINH

đệ tử ra khỏi thành, trên đường đi gặp một người đang lừa một đàn bò vào thành. Đàn bò mập mạp, ăn no đủ nên nhảy nhót, đùa bỡn cụng húc nhau. Lúc ấy Đức Thế Tôn nói kệ rằng:

*Như người cầm gậy
Chăn dắt nuôi bò
Già chết cũng vậy
Lừa mạng sống đi.
Trăm ngàn chẳng một
Dòng họ trai gái
Ky cóp tài sản
Khỏi già chết đâu.
Sự sống ngày đêm
Mạng tựa lần giảm
Tuổi thọ tiêu mòn
Như ao rút cạn.*

Đức Phật về đến vườn Trúc rửa chân rồi ngồi xuống. A-nan ra trước đảnh lễ thưa hỏi:

– Bạch Đức Thế Tôn, ban nãy giữa đường Ngài có nói lên ba bài kệ. Chúng con vẫn chưa hiểu lắm, xin Ngài từ bi khai thị cho.

Đức Phật hỏi:

– Này A-nan, người có thấy người ta lừa đàn bò đi không?

A-nan đáp:

– Bạch Đức Thế Tôn, dĩ nhiên là con có thấy.

Đức Phật giảng giải: “Này A-nan, đàn bò đó là của một nhà hàng thịt, vốn có cả ngàn con. Mỗi ngày ông chủ đều cho người lừa ra ngoài thành tìm nơi cỏ tươi, nước trong cho chúng ăn uống để chúng lớn mập, rồi mỗi ngày chọn ra các con to béo đem giết lấy thịt. Số bò bị giết đến nay đã hơn phân nửa, mà những con còn lại vẫn không hay biết, cứ lo đấu húc lẫn nhau, nhảy nhót, kêu rống. Ta vì thương cho chúng ngu si vô trí nên mới nói lên bài kệ đó.

Này A-nan, đâu phải chỉ có đàn bò đó vô trí thôi, mà người đời cũng như vậy! Họ chấp trước bản ngã, không biết vô thường, ham ăn ham uống, dùng năm dục để cung dưỡng thân mình; tâm ý thỏa thuê trở lại gây ra tai họa. Vô thường tức nghiệp không hẹn chợt đến mà họ vẫn mờ mịt không biết, thì có khác chi với đàn bò kia?

Lúc ấy, trong hội chúng có hai trăm Tỷ-kheo tham đắm lợi dưỡng nghe được bài pháp này liền tự sách tấn lấy mình, do đó chứng quả A-la-hán, đầy đủ lục thông. Còn đại chúng đều xúc động bước ra đảnh lễ Đức Phật.

M

Thí dụ 4:

Thuở xưa, Đức Phật thuyết pháp cho các hàng đệ tử ở khu Lâm viên Kỳ-đà Cấp cô độc nước Xá-vệ. Lúc ấy, có con gái của một vị Phạm chí, tuổi khoảng mười bốn, mười lăm, đoan chính, thông minh rất được cha yêu mến, bỗng lâm bệnh nặng đột ngột chết đi. Đồng thời ruộng của vị Phạm chí đó đang mùa lúa chín cũng bị lửa ma trời đốt cháy hết sạch. Tai nạn dồn dập, vị Phạm chí vô cùng đau buồn, tâm ý hoảng loạn như người

LINH SƠN PHÁP BẢO ĐẠI TẠNG KINH

phát cuồng, không cách gì giải tỏa nỗi. Ông nghe người ta nói Phật là Bạc Đại Thánh, Thầy của cả trời người, hay thuyết pháp giúp cho chúng sinh hết phiền não, khổ khổ đau, nên tìm đến chỗ Phật nhờ giúp đỡ. Đến nơi, ông đánh lễ rồi quỳ xuống thưa:

–Bạch Đức Thế Tôn, con vốn hiểm muộn, chỉ có một người con gái sớm hôm an ủi. Thế mà nó bỗng lâm trọng bệnh, bỏ con ra đi. Tình cha con quyến luyến là lẽ tự nhiên, nên con vô cùng khổ não. Xin Đức Thế Tôn oai thần giáo hóa giúp cho con giải tỏa nỗi đau buồn này.

Đức Phật bảo Phạm chí:

–Trên đời có bốn việc không thể lâu dài. Đó là bốn việc gì?

1. Trường tồn phải hoại diệt.
2. Giàu sang phải nghèo hèn.
3. Hội họp phải chia ly.
4. Khỏe mạnh rồi phải chết.

Rồi Thế Tôn nói kệ:

*Trường tồn phải diệt
Cao sẽ đổ ngã
Gặp rồi ly biệt
Sinh ắt tử vong.*

Ông Phạm chí nghe xong, tâm ý khai ngộ xin Phật xuất gia làm Tỳ-kheo.

Đức Phật hoan hỷ hứa khả bảo:

–Lành thay, hãy lại đây Tỳ-kheo.

–Phạm chí râu tóc liền tự rụng, thành tướng Sa-môn. Sau đó nhờ nỗ lực quán chiếu lý vô thường, chẳng bao lâu ông chứng quả A-la-hán.

M

Thí dụ 5:

Thuở xưa, Đức Phật trú trên núi Kỳ-xà-quật thành La-duyet-kỳ. Lúc ấy, trong thành có một nàng kỹ nữ tên là Liên Hoa. Nàng này nhan sắc đoan chính, cả nước không ai sánh bằng. Thanh niên con em các nhà quyền quý ai cũng hâm mộ tranh nhau tìm đến. Một hôm, nàng Liên Hoa bỗng sinh tâm lạnh, đòi bỏ việc đời xuất gia làm Tỳ-kheo-ni. Nàng từ bỏ tất cả tìm đến núi Kỳ-xà-quật nơi Đức Phật đang cư trú. Giữa đường, gặp một dòng suối mát, nàng Liên Hoa liền ghé lại uống nước rửa tay. Làn nước trong xanh, long lanh hiện lên bóng dáng của nàng: vẻ mặt hồng thắm, mái tóc mượt xanh, thân hình cân đối hoàn hảo.

Tự thấy nhan sắc xinh đẹp của mình, nàng Liên Hoa hối tiếc nghĩ rằng: “Ta sinh ra có được nhan sắc mặn mà như vậy, sao lại nỡ bỏ đi để làm Sa-môn? Ta nên nhân lúc còn trẻ mà hưởng thụ cho thỏa mãn những khao khát riêng mình.”

Nghĩ như vậy xong, nàng liền đi về. Đức Phật biết Liên Hoa có thể độ được, nên hóa ra một thiếu nữ nhan sắc tuyệt trần hơn xa Liên Hoa từ phía khác đi ngược chiều lại. Liên Hoa trông thấy vô cùng yêu mến, liền hỏi thăm người hóa ra đó:

–Nàng từ đâu đến? Chồng con cha anh ở đâu mà đi một mình không ai đi cùng vậy?

Người hóa ra đáp:

–Tôi ở trong thành có việc ra ngoài, nay định trở về nhà. Chị em mình tuy chưa

quen nhau nhưng có thể cùng về chung. Gần đây có bờ nước, chúng ta trước hãy đến đó nghỉ ngơi, trò chuyện.

Liên Hoa đáp:

–Vậy thì hay lắm.

Hai người cùng đến bờ nước chuyện trò tâm sự. Một lát sau, người hóa ra một mồi tựa vào gối Liên Hoa ngủ. Không ngờ mới đó mà thiếu nữ đã chết, thi thể sinh lên, hôi thối, giò bì lúc nhúc, răng tóc rụng rời, tứ chi tan rã.

Liên Hoa trông thấy hết sức kinh sợ, thầm nghĩ: “Người đẹp như vậy mới đó mà đã không còn. Nàng ta còn vậy, thân ta há bảo đảm dài lâu? Phải nên đến chỗ Đức Phật để tinh tấn học đạo.” Đến nơi, nàng cúi sát đất đánh lễ Đức Phật, xong bèn thuật lại đầy đủ những việc đã thấy.

Đức Phật nói với Liên Hoa:

–Người ta có bốn việc không thể nương cậy. Đó là bốn việc gì?

1. Trẻ trung rồi phải già yếu.
2. Mạnh khỏe rồi phải tử vong.
3. Thân thuộc vui vẻ phải xa lìa.
4. Của cải tích trữ phải phân tán.

Bấy giờ, Đức Phật liền nói kệ:

Già thì sắc suy

Bệnh khiến thân hoại

Khi mạng đã hết rồi

Thân rã, hư hoại.

Thân có gì quý

Đồ dơ tuôn chảy

Bị bệnh tật phủ vây

Chịu họa già chết.

Buông lung theo dục

Tăng thêm điều phi pháp

Đâu biết sự đổi thay

Thọ mạng vô thường.

Dầu là con ruột

Cha mẹ, anh em

Khi chết đến nơi

Không nương ai được.

Nàng Liên Hoa nghe pháp xong hân hoan giải ngộ, quán thân như huyễn hóa, mạng sống chẳng dài lâu, chỉ có Niết-bàn là an ổn vĩnh cửu, nên đến trước Phật xin xuất gia làm Tỳ-kheo-ni.

Đức Phật nói:

–Lành thay!

Tóc Liên Hoa liền tự rụng thành Tỳ-kheo-ni. Sau đó nhờ công phu tư duy thiền quán, Tỳ-kheo-ni Liên Hoa đã chứng quả A-la-hán.

Những vị được nghe pháp trong pháp hội, ai nấy đều hoan hỷ.

Thí dụ 6:

Thuở xưa, Đức Phật thuyết pháp trong vườn Trúc tại thành Vương xá. Lúc ấy, có bốn anh em Phạm chí đã chứng được ngũ thông, tự biết sau bảy ngày nữa mình sẽ chết. Do đó họ cùng bàn với nhau rằng: “Sức của ngũ thông có thể làm nghiêng lệch trời đất, nắm giữ mặt trời mặt trăng, dời núi cao, ngưng sông chảy... không việc nào là không làm được, lẽ nào tránh không khỏi cái chết này sao?”.

Người thứ nhất nói:

–Tôi sẽ lặn xuống biển, trên không xuất hiện, dưới không đến đáy, ở giữa lưng chừng biển thì quỷ vô thường làm sao biết chỗ mà tìm?

Người thứ hai nói:

–Tôi chui vào giữa núi Tu-di, khép núi lại bao bọc xung quanh thì quỷ vô thường biết đâu mà kiếm?

Người thứ ba nói:

–Tôi sẽ ẩn nấp giữa hư không, quỷ vô thường làm sao biết được?

Người thứ tư nói:

–Tôi sẽ lẩn vào trong chợ, quỷ vô thường đến bắt được người nào đó thì thôi, cần gì phải tìm bắt tôi?

Bốn người bàn xong, bèn đến gặp vua Ba-tư-nặc từ già:

–Thọ mạng của chúng tôi chỉ còn bảy ngày nữa. Nay chúng tôi muốn chạy trốn vô thường, mong rằng sẽ thoát được trở về thăm vua, mong bệ hạ ban ân.”

Nói xong, bốn vị ấy ra đi trốn vào chỗ của mình. Bảy ngày sau, mãn hạn kỳ bốn người đều chết cả, như trái chín tự rụng. Người quản lý chợ báo cho vua biết có một vị Phạm chí bỗng dưng chết giữa chợ. Vua chợt tỉnh ngộ bảo:

–Bốn người cùng trốn nghiệp, một người đã chết, ba người kia làm sao tránh khỏi?

Vua liền cho xa giá đến chỗ Phật, đánh lễ ngồi qua một bên rồi bạch với Phật:

–Gần đây, có bốn anh em Phạm chí đã đắc ngũ thông, biết rằng mạng mình sắp chết nên cùng nhau trốn quỷ vô thường. Xin hỏi hiện nay họ có tránh thoát được không?

Đức Phật đáp:

–Này Đại vương, người ta có bốn việc không thể tránh khỏi. Bốn việc ấy là gì?

1. Khi ở thân trung ấm không thể không thọ sinh.

2. Đã thọ sinh không thể không già.

3. Đã già không thể không mang bệnh.

4. Đã bệnh không thể không chịu chết.

Bấy giờ Đức Phật liền nói kệ:

*Dầu trốn ở hư không
Giữa biển khơi, núi rộng
Không một nơi nào cả
Tránh khỏi được tử vong.
Việc này do mình tạo
Làm sao mà tránh được
Người vì nó bất an
Đưa đến khổ già chết.
Biết vô thường, tự an
Kiến chấp sinh liền hết
Tỳ-kheo thắng ma binh*

Thoát khỏi vòng sinh tử.

Vua nghe Đức Phật nói xong bèn than:

–Lành thay! Thật đúng như lời Thế Tôn dạy. Bốn người trốn nghiệp, nhưng trong đó một người đã chết, ba người kia làm sao tránh được.

Các quan tùy tùng nghe Đức Phật dạy xong đều tin nhận.

M

Phẩm 2: GIÁO HỌC

Thí dụ 7:

Thuở xưa, Đức Phật trú ở tinh xá Kỳ thọ nước Xá-vệ. Ngài dạy các Tỳ-kheo hãy tinh tấn tu tập đạo nghiệp, dứt trừ các ấm cái, tâm trong sáng, tinh thần định tĩnh, mới có thể tránh được các khổ.

Có một Tỳ-kheo tâm trí không thông đạt, suốt ngày ăn no xong lại vào phòng đóng cửa nằm ngủ. Ông ấy yêu mến huyễn thân, chỉ lo hưởng lạc thích ý mà không biết nghĩ đến vô thường, không ngờ bảy ngày sau mạng mình sẽ hết.

Đức Phật xót thương, sợ rằng sau khi ông mất sẽ đọa vào đường ác nên bước đến phòng gõ cửa cảnh tỉnh ông:

Ôi hãy dậy, đừng mê

Loài rận, ốc, trai, mọt

Ẩn mình trong bất tịnh

Mê hoặc chấp làm thân.

Đâu có bị chém thương

Mà tâm như trẻ bệnh

Đối trước bao ách nạn

Lại tham đắm ngủ mê.

Biết nghĩ, không phóng dật

Lo học đạo từ bi

Do đó không ưu sầu

Thường nhớ trừ vọng tưởng.

Chánh kiến luôn trau dồi

Là ánh sáng giữa đời

Sinh ra, phước đầy đủ

Chết không đọa ác đạo.

Vị Tỳ-kheo nghe kệ liền giật mình thức dậy. Ông trông thấy Đức Phật đích thân khuyên dạy lại càng kinh sợ, nên liền đứng dậy đánh lễ Đức Thế Tôn. Đức Phật lại hỏi:

–Ông có tự biết túc mạng mình không?

Vị Tỳ-kheo đáp:

–Vi ấm cái ngăn che nên không biết được.

Đức Phật bảo:

–Thuở quá khứ, thời Phật Duy Vệ, ông từng xuất gia song vì tham mê lợi dưỡng cung phụng cho huyễn thân, không lo niệm kinh trì giới, ăn no lại ngủ không nhớ đến lẽ vô thường, nên khi mạng chung thân thức đọa vào loài rận trải qua năm vạn năm,

chết rồi lại đọa vào loài trai, sò và sêu một trong cây, mỗi loài lại năm vạn năm nữa. Bốn loài này sinh trưởng trong bóng tối, tham yêu thân mạng, thích ở trong chỗ kín đáo tối tăm, lấy đó làm nhà, không thích ánh sáng. Chúng ngủ một giấc dài đến trăm năm, triển miên trong lưới tội lỗi mà không mong cầu giải thoát. Nay ông nhờ trả hết nghiệp tội mới được làm Sa-môn, sao lại còn ham ngủ không biết nhàm chán?

Bấy giờ, vị Tỳ-kheo nghe lại tức duyên của mình, liền hổ thẹn sợ hãi, ăn năn tự trách, quét sạch mây mù ngu cái, chứng đắc quả A-la-hán.

M

Thí dụ 8:

Thuở xưa, Đức Phật trú tại khu lâm viên Kỳ-đà Cấp cô độc, nước Xá-vệ, vì tứ chúng trời người thuyết pháp. Lúc ấy, có một vị Tỳ-kheo trẻ tuổi, tánh tình khờ dại chất trực, chưa hiểu được yếu nghĩa của đạo. Vị ấy vì tình ý mạnh mẽ luôn nghĩ đến dục, không tự kiềm chế được, nên luôn bị lửa dục thiêu đốt, phiền não nhiễu loạn không giải thoát được.

Vị ấy ngồi suy nghĩ: “Nếu ta chặt đứt nam căn, sau này sẽ thanh tịnh đắc đạo.” Nghĩ sao làm vậy, vị ấy liền đi đến nhà người đàn-việt mượn cây búa rồi về phòng đóng cửa, cởi đồ, ngồi trên ván định tự chặt đứt nam căn. Ông cho rằng: “Chính cái này khiến cho ta đau khổ, trải qua sinh tử biết bao số kiếp, trôi lăn trong tam đồ lục đạo đều do nữ sắc. Nếu không chặt nó đi làm sao đắc đạo?”

Đức Phật biết ông này vì ngu si nên mới suy nghĩ và hành động như vậy. Thật ra, đạo do chế phục tâm, tâm là nguồn gốc. Không biết làm thế là phải chết, mà tự hủy hoại thân thể chỉ gây thêm tội đọa, mãi chịu đau khổ!

Bấy giờ Đức Thế Tôn liền bước vào phòng vị ấy, hỏi:

–Ông định làm gì đấy?

Vị Tỳ-kheo liền buông búa, mặc đồ lại, rồi thưa:

–Con học đạo đã lâu mà chưa hiểu được pháp môn tu tập. Mỗi khi tọa thiền, tâm an định sắp đắc đạo lại bị dục niệm che ngăn, lửa lòng lừng lẫy, tâm trí mê mờ, không còn phân biệt gì nữa. Con hết sức tự trách, nghĩ rằng việc này đều do nam căn đòi hỏi, nên mượn búa định chặt đứt nó đi.

Đức Phật nghe xong liền bảo:

–Ông sao ngu si không hiểu đạo lý? Người muốn cầu đạo trước phải dứt trừ si mê rồi sau mới chế phục tâm. Tâm là nguồn gốc của thiện ác. Muốn dứt trừ tận gốc rễ ái dục phải chế phục tâm. Tâm an định, ý thông hiểu mới đắc đạo được.

Bấy giờ Đức Thế Tôn liền nói kệ:

*Học đạo trước trừ gốc
Bất vua, ly khai quan
Kẻ tùy tùng tan rã
Là Đạo nhân bậc thượng.*

Đức Phật lại nói:

–Trong mười hai nhân duyên, si đứng đầu. Si là nguồn của các tội; trí là gốc của các hạnh. Vì vậy phải dứt trừ si, sau đó tâm mới an định.

Nghe Đức Phật dạy xong, vị Tỳ-kheo ấy hổ thẹn tự trách:

–Ta vì ngu si mê hoặc, trước giờ không hiểu rõ kinh điển nên mới có suy nghĩ và

hành động sai lầm như vậy. Nay được nghe những lời Phật dạy, thật là vi diệu lắm thay!

Nhờ đó, vị ấy thiền quán theo dõi hơi thở, kiểm soát nội tâm, hàng phục tình ý, dứt hết dục vọng, được chánh định chứng quả A-la-hán ngay trước Đức Phật.

M

Thí dụ 9:

Thuở xưa, Đức Phật trú tại núi Linh thú, thành La-duyệt-kỳ vì hàng trời người, quốc vương, đại thần... thuyết pháp cam lộ. Lúc ấy, có một vị Tỳ-kheo tánh nết cương cường, dũng mãnh. Đức Phật biết rõ tâm ý, nên dạy vị ấy:

–Ông hãy ra khe núi Quỷ thần phía sau núi, ngồi dưới cội cây mà tu tập số tức cầu được chánh định. Hãy theo dõi hơi thở biết rõ dài ngắn, giữ tâm ý (an ban thủ ý), dứt vọng tưởng, hết đau khổ sẽ được Niết-bàn.

Tỳ-kheo vâng lời đến khe núi tọa thiền. Núi rừng vắng vẻ, đồng vọng tiếng quỷ thần trò chuyện đã khiến cho Tỳ-kheo sinh lòng sợ hãi, không sao an tâm được. Vị ấy hối hận thầm nghĩ: “Mình thuộc dòng dõi lớn, giàu sang sung sướng mà không chịu ở nhà, lại đi xuất gia. Học đạo chỉ thấy cô tịch, ở chốn sâu không bạn bè, không người qua lại chỉ có quỷ thần đe dọa thôi.”

Vị ấy suy nghĩ như vậy, định bỏ đi thì Đức Thế Tôn đã đến bên cạnh, ngồi xuống một gốc cây rồi hỏi:

–Ông ở đây một mình có sợ hãi không?

Vị Tỳ-kheo đáp:

–Đây là lần đầu tiên con vào núi tu tập, nên thật rất buồn lo.

Giây lát, có một con voi chúa đến gốc cây cạnh bên nằm, trong lòng hoan hỷ khoan khoái vì xa lánh được bầy đàn rộn ràng, ồn ào.

Đức Phật biết được ý của voi bèn hỏi vị Tỳ-kheo:

–Ông có biết con voi này vì lý do gì đến đây chăng?

Vị Tỳ-kheo đáp:

–Bach Đức Thế Tôn, con không biết.

Đức Phật bảo:

–Con voi này có hơn năm trăm quyến thuộc lớn nhỏ. Vì chán ngán bầy đàn nên bỏ đi đến đây nằm dưới gốc cây và nghĩ rằng: “Xa được ngục tù ân ái thật an vui biết bao!”. Voi là loài súc sinh còn biết nghĩ đến rảnh rang yên tĩnh, hưởng chi ông là người từ bỏ ngũ dục ở gia đình, cầu được giải thoát mà lại mong muốn có bè bạn. Nên biết bạn bè ngu ám gây ra rất nhiều tai họa. Hãy ở một mình không tiếp xúc bàn luận. Thà sống tu học một mình hơn là kết bạn với kẻ ngu.

Bấy giờ Đức Thế Tôn liền nói kệ:

Nên học độc cư

Không có bạn hiền

Một mình tu thiện

Không bạn kẻ ngu.

Vui tu giới hạnh

Cần chi bạn lũ

Một mình vô ưu

Như voi giữa rừng.

Nghe Đức Phật nói xong, vị Tỳ-kheo chợt tỉnh ngộ, thiền quán lời Phật dạy liền đắc quả A-la-hán. Các quỷ thần nơi khe núi cũng được nghe hiểu, phát tâm quy y làm đệ tử Phật. Từ đó họ phụng trì giáo pháp, không còn làm hại nhân dân. Đức Phật và vị Tỳ-kheo mới đắc quả cùng nhau trở lại tinh xá.

M

Phẩm 3: HỘ GIỚI

Thí dụ 10:

Thuở xưa, Đức Phật trú tại tinh xá Kỳ hoàn nước Xá-vệ, vì hàng trời người thuyết pháp. Lúc ấy, ở thành La-duyệt-kỳ có hai vị tân học Tỳ-kheo muốn gặp được tôn dung Đức Thế Tôn, không ngại xa xôi lên đường sang nước Xá-vệ. Con đường giữa hai nước hoang vắng không có dân cư, lại gặp lúc hạn hán, các suối nước đều khô cạn. Hai vị Tỳ-kheo đi xa mệt mỏi, nóng bức và nhất là đói khát. Họ bỗng gặp một vũng nước còn đọng lại giữa lòng suối, nhưng nước ấy lại có các loài côn trùng nhỏ không thể uống được. Hai vị bàn với nhau:

–Chúng ta từ xa đến, cốt ý là gặp được Đức Thế Tôn, không ngờ hôm nay lại phải chết nơi đây.

Một người đề nghị:

–Chúng ta hãy uống nước để giữ mạng sống của mình đến ra mắt Phật. Ai mà biết được chuyện nhỏ nhặt này?

Người kia trả lời:

–Đức Phật chế giới lấy Từ bi bắt sát làm đầu. Chúng ta giết hại chúng sinh để giữ sự sống cho mình thì dầu gặp Phật nào có ích gì? Tôi thà giữ giới mà chết, quyết không phạm giới mà sống!

Do đó, một vị uống nước thỏa thích rồi lên đường đi tiếp. Còn vị kia vì không uống nên đã chết khát, liền sinh lên cung trời Đao-lợi thứ hai. Vị trời ấy quán sát túc mạng của mình, nên suy nghĩ: “Ta nhờ trì giới không phạm nên nay mới được sinh lên cõi này, phước báo quả thật chẳng xa!”. Nghĩ như vậy xong, vị trời ấy bèn mang hương hoa xuống đến chỗ Phật, đảnh lễ cúng dường rồi đứng qua một bên.

Còn vị Tỳ-kheo uống nước sau nhiều ngày đi đường khổ nhọc, cuối cùng cũng đã đến nơi. Vị ấy thấy Đức Thế Tôn thân đức uy nghi bèn cuối đầu làm lễ rồi khóc lóc thưa:

–Bạch Đức Thế Tôn, con cùng đi với một người bạn, nhưng chẳng may vị ấy đã chết dọc đường. Thật cảm thương cho vị ấy không gặp được Đức Thế Tôn.

Đức Phật bảo:

–Ta đã biết rõ.

Rồi Ngài chỉ vị trời đứng bên cạnh nói:

–Vị trời này chính là bạn ông! Vị ấy nhờ giữ trọn giới pháp nên được sinh Thiên lại đến đây trước.

Bấy giờ Đức Thế Tôn vén y bày ngực cho vị ấy thấy rồi nói:

–Ông thấy thân Ta mà không giữ gìn giới pháp, tuy nói thấy Ta mà Ta không thấy ông. Còn người cách xa Ta ngàn dặm mà gìn giữ kinh giới, thì thật gần gũi trước mặt Ta.

Bấy giờ Đức Thế Tôn liền nói kệ:

*Đa văn học rộng
Nghiêm trì giới luật
Hai đời đều khen
Sở nguyện thành tựu.
Kẻ ít nghe, học kém
Giữ giới không nghiêm
Hai đời đau khổ
Sở nguyện cũng tiêu.
Phàm học có hai
Thường gần nghe dạy
Hiểu rõ nghĩa lý
Khốn chẳng đổi thay.*

Vị Tỳ-kheo nghe kệ xong, suy xét lại việc làm của mình cảm thấy hổ thẹn bèn đánh lễ Đức Thế Tôn cầu xin sám hối. Còn vị trời nghe kệ tâm rất hoan hỷ, chứng được Pháp nhãn. Chúng hội trời, người không ai là không y giáo phụng hành.

M

Phẩm 4: ĐA VĂN

Thí dụ 11:

Thuở xưa, ở nước Xá-vệ có hai vợ chồng nhà đã nghèo mà lại keo bần, không tin đạo đức. Đức Phật thương xót họ ngu mê, muốn cứu độ nên hóa làm một vị Sa-môn tướng mạo tầm thường, đói rách đến nhà đó khát thực. Lúc ấy, người chồng đi vắng, người vợ thấy Sa-môn liền nặng lời mắng chửi, bất kể đạo lý. Vị Sa-môn nói:

–Tôi là tu sĩ đi xin để sống qua ngày. Cô không nên chửi mắng như vậy. Tôi chỉ mong được một bữa cơm thôi.

Bà vợ bảo:

–Dù ông có đứng chết ngay đó tôi cũng không cho, huống chi là mạnh khỏe như vậy mà mong tôi cho ăn! Ông ở đó chỉ tốn thời gian vô ích, nên sớm cút đi cho rồi!

Nghe vậy, vị Sa-môn liền đứng ngay đó trợn mắt tắt hơi, hiện ra tướng chết, thân thể sinh chướng, miệng mũi giòi bò, bụng nứt ruột rã, đồ bất tịnh chảy tràn. Bà ấy trông thấy sợ hãi, hoảng hồn bỏ chạy. Bấy giờ Sa-môn hiện tướng lại như cũ, bỏ đi đến gốc cây cách nhà ấy vài dặm ngồi nghỉ.

Người chồng về giữa đường bỗng thấy vợ mình chạy hốt hơ hốt hãi, ấy làm lạ liền hỏi nguyên do. Bà vợ kể lại có một ông Sa-môn làm mình sợ hãi như vậy. Người chồng nghe xong, ùng ùng nổi giận, bèn hỏi:

–Ông ấy bây giờ ở đâu?

Người vợ đáp:

–Đã bỏ đi rồi, nhưng chắc chưa xa lắm.

Ông chồng vội mang cung, xách đao lần theo dấu vết tìm đến chỗ Sa-môn, định chém chết ông ta. Vị Sa-môn liền hóa ra tòa thành pha lê nhỏ vây bọc quanh mình. Người chồng đi quanh mấy vòng không cách nào vào được, nên hỏi Đạo nhân:

–Này đạo sĩ, sao ông không mở cửa thành?

Sa-môn đáp:

–Muốn mở cửa thành, ông hãy quăng bỏ cung đao đi.

LINH SƠN PHÁP BẢO ĐẠI TẠNG KINH

Người chồng suy nghĩ: “Mình nên nghe lời ông ấy. Nếu vào thành, mình tay không cũng đủ sức đánh chết ông ta.” Nghĩ vậy xong, ông quăng cung bỏ đao, song cửa thành vẫn không mở. Ông thấy vậy nói với Sa-môn:

–Tôi đã quăng bỏ cung đao đi rồi, sao cửa thành vẫn không mở?

Vị sa-môn đáp:

–Ta muốn nói ông hãy ném bỏ cung đao ác ý trong tâm, chớ không phải ném bỏ cung đao trong tay!

Bấy giờ, người chồng trong lòng kinh sợ, không ngờ Sa-môn là bậc Thần thánh biết được tâm mình. Ông bèn đập đầu sám hối rồi bạch rằng:

–Con có vợ tệ hại không biết bậc Chân nhân, đã khiến con khởi ác niệm. Xin ngài Từ bi tha thứ lỗi lầm. Nay con xin dẫn vợ đến sám hối, nghe lời khuyên dạy để biết tu đạo.

Nói xong, người ấy đứng dậy ra về. Người vợ đón chồng hỏi:

–Ông Sa-môn ấy đâu rồi?

Người chồng bèn thuật lại đầy đủ oai đức thần thông của vị Sa-môn rồi khuyên:

–Vị Sa-môn ấy vẫn còn ở đó, bà nên đến sám hối để diệt trừ tội lỗi.

Hai vợ chồng đến chỗ vị Sa-môn, năm vóc phủ phục sát đất đảnh lễ xin sám hối, nguyện làm đệ tử, rồi quỳ thẳng hỏi:

–Ngài là bậc Thần thông oai đức, có thể hóa ra thành pha lê kiên cố khó thể vượt qua, tâm định trí sáng, mãi mãi không còn sầu lo là thực hành đạo đức gì mà được như vậy?

Vị Sa-môn đáp:

–Ta nhờ học rộng giáo pháp không biết nhàm chán, phụng hành chánh đạo không có giải đãi, tinh tấn trì giới tu tuệ không phóng dật, nên đạt đến Niết-bàn.

Bấy giờ vị Sa-môn liền nói kệ:

Đa văn: sức kiên cố

Phụng pháp: bờ tường thành

Tinh tấn: khó phá vượt

Nhờ đó giới tuệ sinh.

Đa văn giúp sáng tâm

Tâm sáng, trí tuệ tăng

Có trí hiểu rộng nghĩa

Rõ nghĩa tu không lầm.

Đa văn hết ưu phiền

Luôn vui trong thiền định

Khéo nói pháp cam lộ

Đến được chỗ vô sinh.

Nhờ nghe, biết pháp luật

Hết nghi, thấy đạo chánh

Do nghe hết phi pháp

Tu đến bất tử thành.

Sa-môn nói kệ xong, hiện lại thân Phật, hào quang rực rỡ soi sáng cả đất trời. Hai vợ chồng vừa kinh ngạc, vừa sợ hãi, hết lòng ăn năn cải ác, đảnh lễ Đức Thế Tôn. Nhờ đó, họ tiêu được hai mươi ức kiếp tội ác, đắc quả Tu-đà-hoàn.

M

Thí dụ 12:

Thuở xưa, Đức Phật trú tại tinh xá Mỹ âm nước Câu-siễm-ni vì tứ chúng đệ tử giảng nói chánh pháp. Lúc ấy, có một vị Bà-la-môn thông minh học rộng, hiểu biết rất nhiều kinh sách, không việc gì mà không thông. Ông ta nhân đó cống cao ngã mạn cho là thiên hạ không ai bằng mình. Ông đi khắp nơi tìm người tranh luận, nhưng không ai dám đọ sức. Một hôm, giữa ban ngày ông cầm đuốc đi giữa chốn thị thành. Người ta lấy làm lạ hỏi:

– Ông vì sao ban ngày cầm đuốc đi đường

Vị Bà-la-môn đáp:

– Trên đời đều là người ngu tối, mắt không trông thấy gì cả, cho nên ta cầm đuốc để soi sáng cho họ.

Người đời nhìn ngó mà chẳng ai dám góp lời gì.

Đức Phật biết Bà-la-môn có phước duyên đời trước đáng được độ, song nếu ông ta cống cao cầu danh, không nghĩ đến vô thường, cậy mình khinh người như vậy sẽ đọa vào địa ngục, vô số kiếp khó mong ra khỏi. Ngài liền hóa ra một nhà Hiền triết ngồi giữa chợ, gọi vị Bà-la-môn lại hỏi:

– Vì sao ông lại làm như vậy?

Vị Bà-la-môn đáp:

– Vì mọi người ngu tối, ngày đêm không thấy ánh sáng nên tôi cầm đuốc soi rọi cho họ.

Nhà hiền triết lại hỏi:

– Trong kinh có nói đến bốn pháp sáng suốt, ông đã nghe qua chưa?

Đáp:

– Tôi chưa nghe qua.

Nhà hiền triết nói:

– Bốn pháp đó là:

1. Hiểu thông thiên văn địa lý và sự điều hòa bốn mùa.

2. Hiểu thông tinh tú và sự vận chuyển ngũ hành.

3. Nắm vững cách trị nước an dân.

4. Nắm vững việc cầm quân chẳng để thất trận.

Ông là Bà-la-môn có thông thạo bốn pháp này không?

Bà-la-môn nghe nói trong lòng rất hổ thẹn, ném bỏ đuốc đi, rồi chấp tay cung kính, thâm biết rằng mình còn kém cõi.

Đức Phật biết tâm ông đã thuận liền hiện lại thân Phật, hào quang rực rỡ tỏa khắp đất trời, rồi dùng giọng trong trẻo nói kệ:

Nếu hiểu biết chút ít

Tự cao, khinh khi người

Như đuốc, kẻ mù cầm

Người sáng, mình tối tăm.

Đức Phật nói kệ xong, bảo với Bà-la-môn:

– Không có ai ngu tối hơn ông ban ngày lại cầm đuốc đi vào đô thị. Sự hiểu biết của ông thật nhỏ nhoi, chưa bằng hạt bụi.

Bà-la-môn nghe xong tỏ vẻ hổ thẹn, cúi đầu đánh lễ xin làm đệ tử. Đức Phật nhận

lời cho ông làm Sa-môn. Nhờ tâm trí khai sáng, vọng tưởng an định nên ông liền chứng quả A-la-hán.

M

Thí dụ 13:

Thuở xưa, nước Xá-vệ có một vị đại trưởng giả tên là Tu-đạt đã chứng quả Tu-đà-hoàn. Bạn ông là trưởng giả Hiếu Thí lại không tin đạo Phật và các y thuật. Một hôm, trưởng giả Hiếu Thí lâm trọng bệnh nằm liệt trên giường. Thân thuộc và bạn bè nghe tin đến thăm, khuyên ông nên trị bệnh, nhưng ông khăng khăng đầu chết cũng không chịu.

Ông trả lời với mọi người:

–Tôi thờ mặt trời, mặt trăng, trung với vua, hiếu với cha. Tôi nguyện theo suốt đời, đầu chết cũng không đổi chí.

Trưởng giả Tu-đạt nói:

–Thầy tôi chính là Đức Phật, oai đức khắp nơi, ai gặp đều được lợi ích. Anh hãy thử thỉnh Ngài đến giảng kinh, chú nguyện. Nghe được lời Phật dạy sẽ cải thiện ngôn hành, không giống với các đạo khác đâu. Còn việc theo hay không theo, đó là tùy ở ý anh. Anh bệnh lâu ngày như vậy, biết đâu nhờ phước thỉnh Phật sẽ được thuyên giảm.

Hiếu Trí đáp:

–Tốt lắm, xin anh hãy thỉnh Phật và chúng đệ tử giùm tôi.

Trưởng giả Tu-đạt liền thỉnh Phật và Tăng chúng. Đức Phật đến trước cửa nhà trưởng giả Hiếu Thí bèn phóng hào quang soi khắp trong ngoài. Hiếu Thí thấy được ánh sáng tâm sinh hoan hỷ, thân thể nhẹ nhõm. Đức Phật đến trước Hiếu Thí ngồi xuống, rồi an ủi thăm hỏi:

–Ông bệnh ra sao? Trước giờ tin thờ vị Thần nào và đã trị liệu gì chưa?

Trưởng giả thưa:

–Bach Đức Phật, con phụng thờ mặt trời, mặt trăng, vua chúa, tổ tiên. Con từng kính giữ trai giới cầu cúng đủ điều. Thế nhưng nay bị bệnh đã lâu mà vẫn chưa được ân cứu giúp. Còn việc y dược, châm cứu là điều gia đình kiêng kỵ. Đến như việc tu học kinh giới, gây tạo phúc đức chúng con vốn không biết gì. Từ tổ tiên truyền đến nay, gia đình con đều tuân thủ nghiêm ngặt như thế.

Đức Phật nói với trưởng giả:

–Người sống ở đời có ba trường hợp bị chết oan:

1. Có bệnh không điều trị.
2. Điều trị không cẩn thận.
3. Không biết phải trái, tự tiện điều trị bừa theo ý ngoan cố của mình.

Bệnh này không thể nhờ vào mặt trời, mặt trăng, trời đất, tổ tiên, vua chúa hay cha mẹ mà có thể trị lành bệnh. Phải sáng suốt hiểu đạo, tùy thời trị liệu cho được an ổn.

Tứ đại bất hòa nóng lạnh thì cần y dược.

Bị tà ma nhiễu loạn thì cần tu niệm kinh giới.

Phụng thờ các bậc Hiền thánh, thương yêu cứu giúp khổ nạn chúng sinh, đem oai thần phước đức bảo bọc quần sinh, dùng đại trí tuệ diệt trừ ấm cái.

Ông nếu làm được như vậy thì đời này sẽ được sống an lành, không bị chết oan. Nhờ giới đức trí tuệ thanh tịnh, nên đời đời thường được an ổn.

Rồi Đức Thế Tôn nói kệ:

*Thờ mặt trời vì sáng
Thờ cha vì nghĩa ân
Thờ vua vì uy lực
Thờ thầy vì nghe đạo.
Cầu y sĩ vì mạng
Dựa cường hào vì hơn
Hiểu pháp nhờ trí tuệ
Tu phước đời đời vui.
Xét bạn: xem việc làm
Rõ bạn: lúc nạn gặp
Hiểu vợ: khi hoan lạc
Biết kẻ trí: qua lời.
Là thầy giỏi thấy đạo
Giải nghi, giúp trò hiểu
Dạy cho pháp thanh tịnh
Giữ gìn được Pháp tạng.
Nhờ nghe hiện đời lợi
Cả vợ con, anh em
Đời sau cũng lợi ích
Nghe nhiều thành Thánh trí.
Thu nhiếp nhờ hiểu nghĩa
Hiểu nghĩa giới trang nghiêm
Người thọ pháp hành trì
Nhờ đó bệnh được an.
Được vậy, hết giận sầu
Cũng không có tai ương
Muốn an ổn kiết tường
Hãy thờ người học rộng.*

Bấy giờ trưởng giả nghe Đức Phật thuyết pháp, những nghi ngờ liền dứt sạch như mây mù tan tác. Ông cho mời lương y đến trị bệnh và chuyên tâm tu học đạo. Nhờ vậy tứ đại điều hòa, bệnh tật không còn, như uống nước cam lộ, trong ngoài khoan khoái, thân tâm an định, đắc quả Tu-đà-hoàn. Thân thuộc và người trong nước ai nấy đều kính nể ông.

M

Thí dụ 14:

Thuở xưa, phía Nam nước La-duyệt-kỳ có một núi lớn cách thành hai trăm dặm. Các nước phía Nam đường đi đều ngang qua ngọn núi sâu thẳm này. Trong núi có năm trăm tên cướp dựa vào địa thế hiểm trở để cướp bóc. Về sau chúng lại lộng hành gây hại tanh bành, khiến các thương buôn bị cướp không dám đi qua. Giao lộ chính do đó bị tắc nghẽn. Quốc vương đã nhiều lần đem binh truy quét bọn chúng nhưng vẫn không bắt

được.

Bấy giờ Đức Phật đang giáo hóa ở trong nước. Ngài thương xót chúng sinh, nghĩ rằng bọn cướp kia không biết tội phước, cho nên đời có Như Lai mà mắt họ không trông thấy, pháp vang rền mà tai họ không nghe. Ta nếu không đến hóa độ, họ sẽ mãi mãi sa đọa như đá chìm dưới vực sâu.

Vì vậy Đức Phật liền hóa ra một người ăn mặc đẹp đẽ cỡi ngựa đeo kiếm, tay cầm cung tên. Con ngựa được thắt yên vàng, dầm nạm bạc, lại có đeo viên ngọc Minh nguyệt trên mình. Người ấy cỡi ngựa thúc chạy vào núi.

Bọn cướp trông thấy mừng rỡ vì gặp được món bở. Chúng nghĩ: “Minh nhiều năm ăn cướp mà chưa gặp được món hàng nào đặc giá như vậy. Với sức một người mà chống lại chúng ta có khác chi lấy trứng chọi đá?”. Suy nghĩ như vậy nên cả bọn đều kéo ra chặn ngựa lại, rồi bao vây rút đao giương cung định trấn lột.

Lúc ấy người được hóa ra liền giương cung bắn, múa kiếm chém khiến mỗi tên cướp đều trúng tên và mang thương. Vì mũi tên sâu, vết thương nặng nên cả bọn đều té lăn lộn trên đất. Năm trăm tên cướp lần lượt dập đầu xin quy hàng, thưa: Ngài là Thần tiên phương nào mà oai lực như vậy? Xin ngài hãy tha cho chúng con được sống. Chúng con bị thương, đau nhức không chịu đựng nổi, xin mau hãy nhổ tên, trị lành vết thương cho chúng con ngay.

Người được hóa ra đáp:

–Vết thương này chưa phải nặng, mũi tên này chưa phải sâu. Trong thiên hạ, vết thương nặng nhất không gì hơn lo âu; tàn hại lớn nhất không gì hơn ngu muội. Các người mang mối lo âu do lòng tham cầu, tâm ngu muội do ham giết hại thì đao thương độc tiễn này rốt lại không thể chữa khỏi. Gốc rễ của hai thứ này rất sâu chắc, dầu kẻ lực sĩ mạnh mẽ cũng không nhổ nổi. Chỉ có giáo pháp giới luật, đa văn trí tuệ mới có thể trị lành tâm bệnh, nhổ sạch buồn, yêu, ngu si, cống cao. Hãy chế phục tham dục mạnh mẽ và gây tạo phước đức, tu học trí tuệ mới có thể trừ được các tai họa trên, mãi mãi được an ổn.

Bấy giờ hóa nhân liền hiện lại thân Phật sắc vàng thù diệu và nói kệ:

Sâu lo, vết thương nặng

Ngu muội, mũi tên sâu

Dầu mạnh không nhổ nổi

Đa văn trừ được thôi.

Mù từ đó được mắt

Tối từ đó được đèn

Ai dạy bảo thế gian

Như người sáng dẫn lò.

Vậy hãy dứt si mê

Bỏ giàu sang kiêu mạn

Siêng học bậc Đa văn

Đó là tích tụ đức.

Bấy giờ năm trăm tên cướp thấy hào quang Đức Phật, lại được nghe kệ khai thị nên đánh lễ quy y, hết lòng ăn năn chừa đổi. Do đó vết thương họ cũng tự nhiên lành lại. Họ vô cùng hoan hỷ, tâm trí khai thông, thọ trì Ngũ giới. Từ đó trong nước trở lại yên bình, nhân dân ai cũng hoan hỷ.

Phẩm 5: ĐỐC TÍN

Thí dụ 15:

Thuở xưa, phía Đông nam nước Xá-vệ có một con sông lớn vừa rộng lại vừa sâu. Bên bờ sông có hơn năm trăm gia đình cư trú chưa nghe biết hạnh đạo đức độ thế. Họ quen thói ương ngạnh, đối trá, ham lợi, buông lung theo tình ý.

Đức Thế Tôn thường quán sát ai căn tánh có thể độ được thì đến hóa độ. Bấy giờ Ngài thấy các gia đình có phước duyên đáng độ, nên đến bên bờ sông ngồi dưới một cội cây. Người làng thấy hào quang đức tướng của Phật, ai cũng kính ngạc cung kính, đồng đến đảnh lễ và hỏi thăm. Đức Phật bảo mọi người ngồi xuống rồi thuyết pháp cho họ nghe. Nhưng tập khí gian dối, giải đãi của họ quá dày, nên dầu họ nghe mà không tin nhận lời chân thật. Đức Phật bèn hóa ra một người từ bên kia sông đi trên mặt nước, nước chỉ ngập mắt cá, hướng đến chỗ Phật. Người đó đến nơi liền cúi đầu lễ Phật. Mọi người trông thấy kính ngạc, hỏi:

–Từ tổ tiên chúng tôi đến nay đều sinh sống bên bờ sông này mà chưa thấy ai đi trên mặt nước. Ông là ai mà có pháp thuật đi trên nước không chìm? Xin hãy cho chúng tôi biết.

Hóa nhân đáp: “Tôi là người chân đất ở bên kia sông, nghe Đức Phật ở đây nên vì mộ đạo đức mà tìm đến. Tôi đến bờ sông chờ lúc thuận tiện mà qua, liền hỏi người dân bờ bên kia nước nông hay sâu. Họ nói: “Nước chỉ ngập gót, sao không lội sấn qua?”. Tôi tin lời nên đi qua đây, thật ra không có pháp thuật gì lạ.

Đức Phật nghe xong khen ngợi:

–Lành thay! Lành thay! Người có lòng tín thành có thể qua được bên kia bờ vực sinh tử. Con sông rộng chỉ vài dặm này, qua được đâu có gì lạ!

Bấy giờ Đức Thế Tôn liền nói kệ:

Tin: qua được vực

Thu nhiếp: thuyền sư

Tinh tấn trừ khổ

Tuệ đến bờ kia.

Bậc có tín hạnh

Được Thánh ngợi khen

Vui đạo tịch tĩnh

Mở hết buộc ràng.

Tin mới đắc đạo

Pháp đến Niết-bàn

Nhờ nghe thành trí

Đến chỗ quang minh.

Tín và giữ giới

Tuệ quán siêng hành

Bậc có trí tuệ

Qua vực tử sinh.

Bấy giờ người trong làng nghe Đức Phật nói kệ khai thị, lại thấy người có đức tin qua được sông làm chứng, nên sinh tín tâm kiên cố, thọ trì Ngũ giới làm Phật tử tại gia. Nhờ người trong làng đó có lòng tin hiểu tu hành, nên Phật pháp được phổ biến khắp nơi.

M

Thí dụ 16:

Thuở xưa, lúc Đức Phật còn tại thế có một vị trưởng giả tên là Tu-đà-la, giàu có vô số, tín ngưỡng đạo đức. Ông có lời thệ nguyện vào ngày mùng tám tháng chạp hàng năm thỉnh Phật và Tăng chúng về nhà cúng dường. Trọn đời ông, con cháu phụng hành không bỏ phước. Khi mất, ông đã ân cần khuyên con mình là Tỷ-đà-la không được bỏ phước.

Nhưng về sau, gia cảnh lần lần nghèo khó. Tháng chạp đã đến mà trong nhà không có gì nên Tỷ-đà-la rất lo buồn. Đức Phật sai Tôn giả Mục-liên đến hỏi:

–Ngày cúng dường hàng năm của cha ông sắp đến, ông tính sao đây?

Tỷ-đà-la đáp:

–Lời dặn bảo của cha, con đâu dám trái. Mong Đức Thế Tôn từ bi tưởng đến, vào giờ ngọ ngày mùng tám quang lâm nhà con.

Tôn giả Mục-liên trở về thưa lại với Phật như vậy.

Về phần Tỷ-đà-la, ông qua bên ngoài mượn trăm lượng vàng về nhà, sắm sửa đầy đủ đồ cúng dường. Đúng ngày ấy, Đức Phật cùng với một ngàn hai trăm năm mươi vị Tỳ-kheo đến thọ trai. Thọ thực xong, Đức Phật và chư Tỳ-kheo trở về tịnh xá. Tỷ-đà-la vô cùng hoan hỷ, không chút hối hận. Giữa đêm hôm ấy, trong các kho cũ tự nhiên bảo vật đều đầy đủ như xưa!

Sáng sớm hôm sau hai vợ chồng Tỷ-đà-la trông thấy vừa mừng lại vừa sợ. Họ sợ quan tra hỏi của cải này từ đâu mà có. Hai vợ chồng bàn nhau đến hỏi Đức Phật, rồi cả hai đến chỗ trình bày đầu đủ sự việc.

Đức Phật nói với Tỷ-đà-la:

–Ông hãy an tâm sử dụng, không nên nghi sợ. Ông không trái lời cha, dầu chết cũng không thay đổi. Ông có tín tâm, trì giới, tà, quý, đa văn, bố thí, trí tuệ. Nhờ có đầy đủ bảy món báu này nên phước đức chiêu cảm như thế, không phải là tai họa đâu. Người trí biết tu hành thì không luận là nam hay nữ sinh chỗ nào phước cũng tự nhiên sẵn đủ.

Bấy giờ Đức Thế Tôn nói kệ:

*Đức tin và giới
Cùng tà và quý
Đa văn, thí, tuệ
Là bảy món báu.
Tin nên giữ giới
Thường tịnh quán pháp
Trí tuệ luôn trau dồi
Lời Phật chẳng quên.
Sống có báu này
Không luận nam nữ
Trọn đời không nghèo
Người hiền nên rõ.*

Tỷ-đà-la nghe Đức Phật nói, lòng tin Tam bảo càng kiên cố, đánh lễ dưới chân Phật rồi về nhà. Ông đem những lời Phật dạy thuật lại đầy đủ cho người nhà nghe. Nhờ đó ai cũng tin tưởng Phật pháp, được lợi ích lớn.

M

Phẩm 6: GIỚI THẬN

Thí dụ 17:

Thuở xưa, nước Ba-la-nại có một hòn núi cách thành bốn năm mươi dặm. Trên núi có năm vị Sa-môn ở tu học. Mỗi ngày vào lúc sáng sớm, năm vị ấy xuống núi vào thành khát thực. Sau khi thọ thực xong, họ trở về núi thì trời đã tối. Đi về hai lượt thân thể mỗi mệt, không thể tọa thiền tu tập chỉ quán. Vì vậy trải qua nhiều năm tu tập mà họ không chứng được đạo quả.

Đức Phật biết chuyện, thương xót họ nhọc nhằn mà không thu được kết quả gì, nên hóa thành một vị Đạo nhân đến núi đó thăm hỏi các Sa-môn:

–Các vị ẩn cư ở đây, có nhọc mệt lắm không?

Các vị Sa-môn đáp:

–Chúng tôi ở đây cách thành rất xa. Vì còn thân tứ đại nên phải ăn uống mỗi ngày vì chuyện ăn uống phải đi về rất vất vả. Nhiều năm cực khổ, ngày đi về hai lượt như vậy, tối đến đã mệt mỗi ngày, chúng tôi không còn thời giờ để tu tập, có lẽ suốt đời phải chịu như thế!

Vị Đạo nhân nói:

–Người hành đạo phải lấy giới làm căn bản, lấy nhiếp tâm làm công hạnh, coi nhẹ thân thể, quý trọng chân lý, xả thân cầu đạo. Ăn uống là để duy trì mạng sống tu tập thiền định. Phải hướng đến mục đích đắc đạo mà tu học chỉ quán, dứt trừ vọng tưởng. Còn nếu chỉ lo cung dưỡng thân thể, chịu theo đòi hỏi thì làm sao thoát được khổ đau? Ngày mai các vị đừng xuống núi, nghỉ ngơi một ngày, tôi sẽ lo việc cúng dường.

Lúc ấy năm vị Sa-môn rất hoan hỷ trước việc hy hữu này. Ai nấy tâm ý đều an định, không còn lo chuyện đi khát thực.

Giờ ngọ ngày hôm sau, vị Đạo nhân mang thức ăn đến. Năm vị Sa-môn thọ trai xong, tâm ý thư thái, an tịnh. Bấy giờ vị Đạo nhân được hóa ra bèn nói kệ:

Tỳ-kheo trì giới

*Giữ gìn các căn
Tiết độ ăn uống
Ý luôn tỉnh giác.
Lấy giới hàng tâm
Giữ ý chánh định
Trong tu chỉ quán
Chánh ý không vọng.
Sáng suốt giữ giới
Chánh trí tư duy
Hành đạo như vậy*

Tự tịnh, hết khổ.

Vị Đạo nhân nói kệ xong, liền hiện lại thân Phật từ quang rực rỡ. Năm vị Sa-môn phấn chấn tinh thần, thức liễm thân tâm, tư duy chánh trí liền chứng quả A-la-hán.

M

Phẩm 7: DUY NIỆM

Thí dụ 18:

Thuở Đức Phật còn tại thế, vua Phất-gia-sa và vua Bình-sa là bạn thân với nhau. Vua Phất-gia-sa chưa biết Phật pháp. Ông làm một bông hoa bằng bảy báu rồi tặng vua Bình-sa. Vua Bình-sa nhận được, đem dâng lên Đức Phật, thưa:

– Bạch Đức Thế Tôn, vua Phất-gia-sa là bạn, tặng con đóa hoa báu này. Nay con đem dâng lên Phật, nguyện cho vua Phất-gia-sa tâm ý mở mang, gặp Phật nghe Pháp, cung kính Thánh tăng. Nay con nên lấy vật gì để tặng lại vua ấy?”.

Đức Phật đáp:

– Vua hãy chép kinh Thập Nhị Nhân Duyên rồi gửi kèm theo một lá thư, nói rằng: “Bạn tặng tôi đóa hoa bảy báu, nay tôi tặng lại đóa hoa chánh pháp. Xin hãy suy nghĩ rõ ràng những nghĩa lý trong kinh sẽ được lợi ích to lớn, tốt đẹp. Tôi muốn bạn đọc tụng và tu tập để cùng tôi chia sẻ pháp vị.

Vua Phất-gia-sa nhận được kinh, liền đọc và suy xét nghĩa lý cẩn thận, rồi bỗng tin hiểu chánh pháp. Vua hết lời tán thán: “Phật lý thật vi diệu, có thể giúp cho tâm người an định, nước nhà phồn vinh. Năm dục là cội nguồn ưu não, ta đã nhiều đời đam mê nay mới tỉnh ngộ. Ta còn tham luyến dục lạc thế gian nữa làm gì?”.

Vua bèn triệu tập quần thần nhường ngôi cho thái tử, rồi tự xuống tóc làm Sa-môn. Phất-gia-sa mặc pháp phục, ôm bình bát đến thành La-duyệt-kỳ tá túc tại lò nung của nhà một người thợ đồ gốm, định sáng mai vào thành khất thực, thợ trai xong sẽ đến chỗ Phật lãnh thọ kinh giới.

Đức Phật với thần thông biết được ngày mai lúc độ thực Phất-gia-sa sẽ mạng chung. Ông ta từ xa lại mà không được gặp Phật, không được nghe kinh pháp thật đáng xót thương! Vì thế Đức Thế Tôn hóa thành một vị Sa-môn cũng đến nhà người thợ đồ gốm xin nghỉ qua đêm. Người chủ nói:

– Có một vị Sa-môn đã ở trước trong lò nung, ông có thể ở chung qua đêm với vị ấy.

Vị Sa-môn bèn mang cỏ vào lò nung, trải ngồi bên cạnh Phất-gia-sa, rồi hỏi thăm:

– Ông từ đâu đến? Thầy ông là ai? Vì nhân duyên gì mà làm Sa-môn? Đã gặp Đức Phật chưa?

Phất-gia-sa đáp:

– Tôi chưa gặp Phật, chỉ nghe kinh Thập Nhị Nhân Duyên mà xuất gia làm Sa-môn. Tôi định ngày mai vào thành khất thực sẽ đến ra mắt Đức Phật.

Vị Sa-môn kia nói:

– Mạng người mong manh sớm còn tối mất. Vô thường nghiệp báo không hẹn chợt đến. Chỉ cần quán sát thân tứ đại do đâu mà có, tạm hợp thành rồi sẽ hoại diệt. Đất nước gió lửa sẽ trả về cho đất nước gió lửa! Hãy tư duy tỉnh giác, tâm vắng lặng không có vọng tưởng, chuyên niệm Tam bảo, bố thí, giới đức. Nếu có thể biết được lẽ vô thường thì cũng như thấy Phật! Nghĩ đến việc ngày mai chỉ là vọng tưởng vô ích.

Bấy giờ vị hóa Sa-môn liền nói kệ:

Phàm người được thiện lợi

Là tự quy y Phật

Cho nên ngày lẫn đêm

Thường niệm Phật, Pháp, Tăng.

Tỉnh giác biết rõ mình

Đó là đệ tử Phật

LINH SƠN PHÁP BẢO ĐẠI TẠNG KINH

*Ngày đêm thường nên niệm
Phật, Pháp và chúng Tăng.
Niệm thân, niệm vô thường
Niệm giới, đức, bố thí
Không, bất nguyện, vô tướng
Đêm ngày niệm như trên.*

Lúc đó vị hóa Sa-môn lại giảng thuyết yếu nghĩa vô thường cho Phất-gia-sa. Phất-gia-sa liền nhất tâm thiền quán liền chứng quả A-na-hàm. Đức Phật biết Phất-gia-sa đã giác ngộ, liền hiện lại thân Phật đức tướng quang minh. Phất-gia-sa vừa kinh ngạc vừa vô cùng vui mừng, liền cúi đầu đảnh lễ Phật. Đức Phật lại dặn ông lần nữa:

–Tướng tội báo cũng vô thường, ông đừng nên lo sợ.

Phất-gia-sa đáp:

–Con xin vâng lời dạy bảo.

Sau đó Đức Phật từ giã ra đi. Giờ Ngọ ngày hôm sau, Phất-gia-sa vào thành khát thực, khi đi ngang qua cổng thành, Phất-gia-sa bị một con bò mẹ mới sinh con húc thủng bụng chết. Ông liền sinh lên cõi trời A-na-hàm.

Đức Phật sai các đệ tử đem di thể ông trà-tỳ, xây tháp thờ. Đức Phật nhân đó dạy đại chúng:

–Hãy cẩn thận đối với những nguyên nhân gây ra tội báo.

M

Phẩm 8: TỬ NHÂN

Thí dụ 19:

Thuở xưa, Đức Phật trú tại thành La-duyệt-kỳ. Cách nước này năm trăm dặm có một hòn núi là nơi cư trú của một gia tộc gồm một trăm hai mươi hai người sinh trưởng tại đó. Họ sống bằng nghề săn bắn trong rừng, mặc áo da, ăn thịt thú mà không biết làm ruộng rẫy. Tín ngưỡng của họ là thờ cúng quỷ thần, chưa biết gì về Tam bảo. Đức Phật với Thánh trí thấy họ có thể độ được, nên đến đó ngồi dưới một cội cây. Lúc ấy, bọn đàn ông đều vào núi săn bắn chỉ còn phụ nữ ở nhà. Đức Phật tỏa ánh hào quang chiếu khắp đất trời, cây đá trong núi đều biến thành sắc vàng chói. Lớn nhỏ ai nấy cũng đều kinh ngạc hoan hỷ, cho Phật là vị Thần linh nên kéo đến lễ bái, cúng dường chiếu ngời.

Đức Phật nhân đó mới thuyết pháp về tội báo sát sinh, phước đức từ bi, ân ái tạm hợp lại tan cho các phụ nữ nghe. Nghe xong họ đều hoan hỷ, ra trước bạch Phật:

–Sơn nhân chúng con sát sinh ăn thịt để sống. Nay muốn dâng cúng Ngài một ít, xin hãy nhận lấy.

Đức Phật bảo với các phụ nữ:

–Giáo pháp của chư Phật không ăn thịt chúng sinh. Ta đã thọ trai rồi mới đến đây, không cần phải dọn ra nữa.

Đức Phật nhân đó lại dạy:

–Người sống ở đời món ăn rất nhiều. Sao không ăn những thứ có ích, mà lại giết mạng chúng sinh để nuôi sống cho mình? Khi chết sẽ đọa ác đạo, chỉ hại mà không lợi ích. Làm người nên ăn ngũ cốc, thương yêu các loài chúng sinh, các loài biết máy cựa, không loài nào mà chẳng tham sống. Giết chúng sinh nuôi sống mình tội lỗi rất nặng. Còn ai Từ bi bất sát đời đời sẽ được an vui.

Bấy giờ Đức Thế Tôn liền nói kệ:

*Nhân từ bất sát
Thường biết nhiếp thân
Là chỗ bất tử
An lạc không họa tai.
Bất sát vì từ
Thận trọng lời, ý
Là chỗ bất tử
Chốn không họa tai.
Theo đạo giải thoát
Không hại chúng sinh
Tâm không phiền não
Xứng với Phạm thiên.
Thường dùng Từ bi
Tịnh như Phật dạy
Biết đủ, biết dừng
Sẽ vượt sinh tử.*

Đức Phật nói kệ xong, những người đàn ông đi săn cũng vừa về đến. Các phụ nữ nghe giảng kinh nên không đón chồng. Các ông này kinh ngạc trước việc bất thường, bỏ thú săn xuống chạy về xem có biến cố gì không. Đến nơi thấy các bà vợ mình đang

LINH SƠN PHÁP BẢO ĐẠI TẠNG KINH

chấp tay nghe Phật giảng dạy, họ liền nổi giận lớn tiếng mắng nhiếc, định làm hại Phật.

Các bà vợ nói với chồng mình:

–Đây là Thần nhân, các ông đừng nên ác ý. Mọi người nghe nói ăn năn hối cải, quỳ xuống đánh lễ Đức Phật. Phật vì họ mà giảng nói lại công đức của việc không sát sinh và tội báo của việc giết hại. Người đứng đầu gia tộc tỉnh ngộ liền quỳ xuống bạch Phật:

–Chúng con sinh trưởng nơi núi sâu, lấy việc săn bắn làm kế sinh nhai. Tội lỗi vì thế chồng chất rất nhiều. Xin Ngài dạy cho cách nào để tránh khỏi tai ương.

Bấy giờ Đức Thế Tôn liền nói kệ:

Thực hành nhân từ

Bác ái cứu người

Có mười một lợi

Phước thường theo thân.

Một, ngủ an ổn

Hai, thức yên vui

Ba, không ác mộng

Bốn, trời hộ trì.

Năm, được kính mến

Sáu, không bị hại

Bảy, không đao binh

Tám, không nạn nước.

Chín, không nạn lửa

Mười, được phước lợi

Chết được sinh Thiên

Chính là mười một.

Đức Phật nói kệ xong, một trăm hai mươi hai người nam nữ lớn nhỏ đều hoan hỷ tin nhận, vâng giữ năm giới. Đức Phật nói với vua Bình-sa cho họ ruộng đất và thóc ngô để ăn. Từ đó, đạo Từ bi phổ biến, trong nước yên bình.

M

Thí dụ 20:

Thuở xưa có một nước lớn ở vùng biên cương Ấn độ. Vua nước ấy tên là Hòa Mặc. Nhân dân trong nước chưa từng được pháp hóa vi diệu của Tam bảo, chỉ biết thờ ngoại đạo Bà-la-môn theo lời dụ hoặc của họ mà thường làm những việc tà ác, sát sinh tế tự quỷ thần.

Lúc ấy mẹ vua lâm trọng bệnh nằm liệt trên giường. Vua đã cho vời rất nhiều danh y điều trị cho đến cầu phù chú nơi các đồng cốt, song trải qua nhiều tháng nhiều năm mà bệnh tình bà vẫn không thuyên giảm. Do đó, vua lại cho mời hai trăm vị Bà-la-môn trong nước vào cung cúng dường, rồi hỏi: “Thái hậu bệnh nặng đã lâu, không biết vì nguyên nhân gì? Các vị là bậc Trí, thông hiểu tướng pháp và thiên văn địa lý, vậy có thấy gì bất ổn xin nói cho trẫm biết.”

Các Bà-la-môn trả lời:

–Bệnh của thái hậu là do tinh tú sai loạn, âm dương bất hòa thôi.

Vua hỏi:

LINH SƠN PHÁP BẢO ĐẠI TẠNG KINH

–Làm cách nào để giải trừ được?

Các Bà-la-môn thưa:

–Nên bày lễ cầu đảo núi non, nhật nguyệt, tinh tú nơi khoảng đất trống sạch sẽ ngoài thành và giết một trăm súc vật đủ loại, với một đĩa bé để cúng tế trời; rồi vua tự mình dẫn mẹ đến chỗ đó lạy xin khỏi bệnh sống lâu, thì sau đó bệnh sẽ lành.

Vua nghe nói bèn chuẩn bị đúng như lời dặn. Vua cho lừa người và trăm loài voi, ngựa, bò, dê từ cửa thành phía Đông đi ra chỗ tế tự giết để tế trời. Dọc đường tiếng than khóc, kêu la vang động đất trời!

Đức Thế Tôn đại từ cứu độ tất cả chúng sinh, thương cho vua Hòa Mạc quá ngu si. Sao lại vì muốn cứu vớt một người mà làm ác giết mạng chúng sinh? Cho nên Đức Phật và chúng đệ tử đi qua nước đó. Đức Phật gặp vua và các Bà-la-môn nơi cửa thành phía Đông đang lừa bầy súc vật kêu rống thảm đi đến. Vua từ xa trông thấy Đức Phật uy nghi rực rỡ, hào quang tỏa sáng đất trời như mặt trời mới mọc, như trăng sáng đêm rằm. Nhân dân nhìn xem đều khởi tâm kính mộ. Súc vật bị lừa đi tế thần cũng khởi tâm mong được cứu thoát.

Vua liền tới trước xuống xe hạ lọng đánh lễ Phật rồi quỳ thẳng chấp tay chào hỏi Đức Thế Tôn. Đức Phật mời vua ngồi, rồi hỏi:

–Ông định đi đâu?

Vua vòng tay đáp:

–Thái hậu của nước con lâm bệnh đã lâu, con cho mời các lương y khắp nơi điều trị, cho đến đồng cốt chú thuật cũng không thuyên giảm. Nay con mang người và súc vật để tế cúng chư Thiên, kỳ đảo tinh tú bốn núi năm non cầu mong cho mẹ con được hết bệnh.

Đức Phật bảo:

–Xin Đại vương khéo lắng nghe lời này! Muốn được giàu có phải hành bố thí, muốn được sống thọ phải hành Từ bi, muốn được trí tuệ phải chuyên học hỏi. Bốn việc này, tùy mình gieo nhân nào thì gặp quả nấy. Kẻ giàu sang thì không tham bữa ăn bận tiện tầm thường. Chư Thiên kia lấy thất bảo xây cung điện, muốn ăn muốn mặc tự nhiên như ý, lẽ đâu bỏ vị ngon cam lộ mà dùng đồ thô lậu máu thịt tanh hôi? Tế tự dâm loạn thế kia là lấy tà giáo làm chánh đạo. Giết mạng sống cầu sống, thật trái với đạo lý quá xa! Giết bao nhiêu mạng sống để cứu một mạng thì làm sao có chuyện đó?

Lúc đó Đức Thế Tôn liền nói kệ:

*Dầu người sống trăm năm
Siêng phụng sự quý thần
Cúng tế bằng voi ngựa
Chẳng bằng một việc Từ.*

Lúc Đức Phật nói kệ hào quang rực chiếu khắp đất trời, chúng sinh trong tam đồ bát nạn đều hoan hỷ, được an ổn lợi ích. Vua Hòa Mạc nghe được diệu pháp lại thấy được hào quang nên vô cùng hoan hỷ, thấy được đạo. Thái hậu bệnh hoạn nghe pháp xong, tinh thần phấn chấn vui vẻ, bệnh tình dứt hết. Còn hai trăm vị Bà-la-môn thấy hào quang, lại nghe lời Phật dạy nên vô cùng hổ thẹn, ăn năn chữa đổi, xin làm đệ tử Phật. Đức Thế Tôn hứa khả cho họ xuất gia làm Sa-môn.

Vua và đại thần thỉnh Đức Phật lưu lại nước đó một tháng để cúng dường, đem chánh pháp ra trị nước. Nhờ đó nước nhà ngày càng hưng thịnh.

M

Phẩm 9: NGÔN NGỮ

Thí dụ 21:

Thuở xưa, vua Phất-gia-sa sau khi xuất gia vào thành La-duyet-kỳ khát thực, ngang qua cổng bị một con bò mẹ mới sinh húc chết. Người chủ bò sợ quá liền bán nó cho một người khác. Người chủ mới lúc dẫn bò đi uống nước lại cũng bị nó từ sau húc chết. Con ông ta thấy vậy nổi giận bắt bò làm thịt, đem ra chợ bán. Có một bác nông dân mua lấy đầu bò gánh về. Còn cách nhà hơn dặm đường, bác ta mới treo đầu bò lên một cành cây rồi ngồi nghỉ dưới gốc. Không ngờ, mới đó dây đứt, đầu bò rơi xuống, sừng cắm đúng vào người khiến bác ta chết ngay tại chỗ. Trong một ngày mà con bò đó đã giết chết ba mạng người. Vua Bình-sa nghe tin rất lấy làm lạ, liền cùng quần thần đến chỗ Đức Phật để thưa hỏi. Đến nơi, vua làm lễ Phật xong rồi mới chấp tay hỏi:

–Bạch Đức Thế Tôn, thật là lạ lùng! Có một con bò mẹ đã giết ba mạng người. Vì có chuyện này nên con đến đây hỏi ý kiến Phật.

Đức Phật bảo với vua Bình-sa:

–Tội báo đều có nguyên nhân, không phải ngẫu nhiên ngày nay mà có.

Vua thưa:

–Xin Đức Thế Tôn nói rõ nguyên nhân.

Đức Phật kể:

–Thuở xưa có ba người thương gia đến nước khác buôn bán, ở trọ nhà một bà lão đơn chiếc. Đến kỳ trả tiền thuê nhà, vì thấy bà lão cô độc nên ba người định ăn quít không trả. Thửa lúc bà đi vắng, cả ba lén bỏ đi. Bà lão trở về không thấy ai cả, liền hỏi hàng xóm mới hay họ đã bỏ đi. Bà lão nổi giận tức tốc đuổi theo. Một hồi lâu sau, chạy đến nhọc mệt bơ phờ bà mới bắt kịp họ. Song khi ba ông khách nghe bà lão đòi tiền, chửi bới ngược lại bảo rằng mình đã trả rồi, sao lại đòi nữa. Họ ba miệng một lời nói ngang không chịu trả tiền trọ.

Bà lão thấy mình sức yếu thế cô không làm sao được, nên đành chịu mất tiền, ngậm hờn thề trước ba thương khách rằng: “Tôi nghèo khổ như vậy, sao các ông lại nhẫn tâm lường quít. Tôi nguyện đời sau sinh ra chỗ nào hễ gặp các ông quyết giết không tha! Chừng nào giết được lòng tôi mới hả, dầu các ông đắc đạo cũng không bỏ qua!”.

Đức Phật nói với vua Bình-sa:

–Bà lão thuở đó nay chính là con bò mẹ. Ba vị thương khách chính là đám Phất-gia-sa ba người ngày nay bị bò húc chết đó.

Bấy giờ Đức Thế Tôn lại nói kệ:

Lời ác mắng chửi

Kiêu mạn, khinh người

Ai làm nghiệp này

Thù oán sẽ sinh.

Lời nhã, thuận hòa

Tôn kính người khác

Mở trời, dần ác

Thù oán tự tiêu.

*Phàm người ở đời
Trong miêng gươm dao
Chữ rửa máng nhấc
Là tự chém thân.*

Nghe Đức Phật nói xong, vua Bình-sa và quần thần đều gìn giữ lời nói nghiêm túc cẩn thận, nguyện làm việc lành rồi lễ Phật ra về.

M

Phẩm 10: SONG YẾU

Thí dụ 22:

Thuở xưa, vua nước Xá-vệ là Ba-tư-nặc đến thăm Đức Phật. Vua đến nơi liền xuống xe, bỏ lộng, tháo kiếm, cởi giày rồi chấp tay đi vào quỳ xuống đánh lễ, bạch rằng:

–Bạch Đức Thế Tôn, ngày mai con mong Đức Phật và Tăng chúng đến ngã tư đường thọ trai để cho mọi người trong nước đều biết Phật là Đấng Chí Tôn khiến chúng sinh xa lìa tà ma ngoại đạo, gìn giữ Ngũ giới cho quốc thái dân an.

Đức Phật nói:

–Lành thay! Phàm người làm vua phải lãnh đạo nhân dân một cách sáng suốt, hướng dẫn họ phụng hành đạo đức để được hưởng phước đời sau.

Vua thưa:

–Bạch Đức Thế Tôn, con xin thoái lui để về lo việc cúng dường.

Vua trở về tự tay lo sắp đặt cơm nước, rồi đích thân đón Đức Phật và Tăng chúng đến ngã tư có thiết trai. Đức Phật đến ngồi vào chỗ, vua tự mình múc nước rửa tay cho Đức Phật. Đức Phật thọ trai xong, thuyết pháp cho vua và mọi người. Người đến dự đông vô số. Trong đó có hai thương nhân, một người nghĩ: “Phật như đế vương, đệ tử như trung thần. Phật giảng thuyết pháp, đệ tử tụng đọc truyền bá. Vua Ba-tư-nặc thật là sáng suốt, biết Đức Phật là Bậc đáng tôn kính, khép ý phụng trì.”

Còn người kia lại nghĩ: “Vua Ba-tư-nặc ngu thật! Mình đã là vua còn cần gì nữa? Phật thật như bò, đệ tử như xe. Bò kéo xe chạy Đông, Tây, Nam, Bắc. Phật có đạo hạnh gì mà phải y kính phụng trì.”

Sau đó hai người ra đi. Đi được khoảng ba mươi dặm đường, họ ghé lại một nhà nghỉ qua đêm. Hai người mua rượu cùng nhau uống và bàn luận chuyện đã thấy ban sáng. Người có thiện niệm được Tứ Thiên vương ủng hộ. Còn người nghĩ quấy bị quỷ thần ở Thái sơn khiến cho rượu uống vào bụng nóng như thiêu. Vì vậy anh ta bỏ ra ngoài lộ, nằm lăn qua lộn lại trong vết bánh xe trên đường. Sáng sớm có đoàn xe năm trăm chiếc đi ngang nghiền chết anh ta. Người bạn sáng ra đi tìm thì thấy anh đã chết rồi, rất bối rối suy nghĩ: “Nếu mình về nước sẽ bị nghi là giết bạn lấy của, kết tội bất nghĩa, thí thân vì tiền của.”

Do đó anh mới đi sang nước khác. Vua nước này vừa băng hà mà không có thái tử nối ngôi. Trong sách thư nói: “Sẽ có một người thân phận thấp kém ở nước khác lên làm vua nước này. Vua quá cố có một con thần mã, nếu gặp vị ấy nó sẽ quỳ xuống.”

Các quan theo lời, thẳng yên cương, đeo quốc ấn trên mình thần mã rồi dẫn đi khắp nơi tìm người kế vị. Người xem thần mã rất đông, cũng vừa gặp lúc anh này đi đến nước ấy. Quan thái sử trông thấy nói: “Vị ấy có mây vàng che phủ, chính là khí tượng

làm vua.”

Thần mã trông thấy liền đến quỳ xuống liếm chân vị thương khách. Quần thần mừng rỡ, liền rước anh về cung tôn lên làm vua. Bấy giờ vị vua này mới coi sóc tình hình trong nước và tự suy nghĩ: “Ta không làm một việc lành nào cả, sao lại hưởng phước này? Chắc đây là nhờ ân đức của Phật.”

Do đó, vua bèn cùng quần thần hưởng về nước Xá-vệ, từ xa đánh lễ bạch:

–Con là người hạ tiện thiếu đức, nhờ từ ân Thế Tôn mới được làm vua. Ngày mai xin Đức Thế Tôn và các vị A-la-hán thuận theo ý nguyện của con đến đây thọ trai.

Đức Phật ở xa liền biết, bảo A-nan dặn các vị Tỳ-kheo ngày mai vua nước kia có lời cung thỉnh, tất cả hãy sử dụng thần thông đến nước đó cho vua và nhân dân hoan hỷ.

Hôm sau, Đức Phật và đệ tử dùng thần túc đến nước đó, theo thứ lớp mà ngồi trang nghiêm như pháp. Thọ trai rửa tay xong, Đức Phật thuyết pháp cho vua và mọi người nghe. Vua hỏi:

–Con vốn là người tiện dân, không có phước đức, vì nhân duyên gì được như thế này?

Đức Phật đáp:

–Lúc trước vua Ba-tư-nặc cúng dường cơm nước cho Đức Phật nơi ngã tư đường. Vua đây trông thấy trong lòng suy nghĩ: “Đức Phật như quốc vương, đệ tử như trung thần.” Nhờ vua gieo hạt giống lành này mà ngày nay gặt lấy quả báo tốt đẹp. Còn bạn của vua ngày trước vì cho rằng Phật như bò, đệ tử như xe. Người ấy gieo hạt giống vành bánh nên nay chịu quả báo bị xe lửa nghiền nát trong chốn địa ngục Thái sơn. Không phải do vua dửng dưng cảm hùng mạnh mà đoạt được ngôi vị ấy. Làm thiện được phước, làm ác gặt họa. Phước hay họa do mình gây tạo mà chẳng phải trời, rồng, quỷ, thần ban cho hay gây ra.

Bấy giờ Đức Thế Tôn liền nói kệ:

Tâm là gốc pháp

Đứng đầu, sai sử

Tâm khởi niệm ác

Nói ác, làm ác

Tội khổ theo ta

Như xe theo vết.

Tâm là gốc pháp

Đứng đầu, sai sử

Tâm khởi niệm thiện

Nói thiện, làm thiện

Phước lạc theo ta

Như bóng theo hình.

Đức Phật nói kệ xong, vua và vô số thần dân đều vô cùng hoan hỷ, chứng được pháp nhãn.

M

Thí dụ 23:

Thuở xưa, trưởng giả Tu-đạt mua miếng vườn của thái tử Kỳ-đà rồi hai người cùng nhau xây cất tinh xá cúng dường Đức Thế Tôn. Mỗi người thỉnh Đức Phật và chư

LINH SƠN PHÁP BẢO ĐẠI TẠNG KINH

Tăng cúng dường trong một tháng. Nhờ nghe Đức Phật thuyết pháp nên hai vị đều thấy được đạo.

Thái tử Kỳ-đà hoan hỷ trở về Đông cung, hết lời tán thán đạo đức của Đức Phật, tự đánh nhạc làm vui. Em trai của Kỳ-đà là Lưu Ly thường ở bên vua. Lúc ấy, vua cùng với cận thần và các phu nhân ở hậu cung đến chỗ Đức Phật đảnh lễ nghe kinh. Lưu Ly ở lại lo việc bảo vệ cung điện. Các nịnh thần như bọn A-tát-đà, có mưu gian thừa với Lưu Ly rằng:

–Xin ngài hãy đeo thừ đai ấn của đại vương, ngồi lên ngai vàng xem có giống vua không?

Lưu Ly nghe lời mặc hoàng bào lên ngai vàng ngồi. Bọn nịnh thần lay mừng thưa: “Ngài thật như vị đại vương ngàn năm mới gặp được. Ngài nên thuận theo nguyện vọng của lê dân, há để Đông cung thái tử Kỳ-đà chiếm chỗ này sao? Ngai vàng này không lẽ đã lên rồi mà lại xuống?”.

Lưu Ly nghe nói liền mang giáp binh, rút kiếm đến bao vây tinh xá Kỳ hoàn để đuổi vua không cho về cung. Quân Lưu Ly đánh nhau với quan quân của vua ở Kỳ hoàn giết hơn năm trăm cận thần. Vua và phu nhân chạy lánh nạn suốt ngày đêm đến nước Xá-di. Giữa đường vì đói khát vua ăn rau rừng trúng độc, bụng chướng lên rồi chết. Lúc ấy Lưu Ly lên nắm quyền, cầm gươm vào Đông cung giết chết thái tử Kỳ-đà anh mình. Kỳ-đà vì hiểu lẽ vô thường nên không chút lo sợ, vẻ mặt an nhiên chẳng đổi, an tâm mỉm cười chịu chết. Khi lâm chung, Kỳ-đà nghe tiếng nhạc từ hư không đến đón rước thân thức. Lúc ấy Đức Phật ở tinh xá Kỳ hoàn biết được liền nói kệ:

*Tạo vui đời sau vui
Làm thiện hai đời vui
Người ấy thuần hoan hỷ
Thấy phước tâm an vui.
Nay mừng đời sau mừng
Làm thiện hai đời mừng
Đây là tự giúp mình
Hưởng phước nên mừng vui.*

Sau đó, vua Lưu Ly kéo quân sang đánh nước Xá-di, sát hại những người họ Thích và những bậc thấy đạo, tàn bạo vô nhân, tạo đủ năm tội ngũ nghịch. Đức Phật dự ký Lưu Ly vì bất hiếu bất trung, tội nghiệp sâu nặng, bảy ngày sau sẽ bị lửa địa ngục thiêu chết. Quan thái sử cũng bói đúng quẻ như vậy.

Lưu Ly nghe tin hết sức lo sợ cho thuyền ra giữa sông, nghĩ rằng: “Ta sống giữa nước, lửa làm sao đến được?”.

Đúng trưa ngày thứ bảy, tự nhiên lửa từ dưới nước bốc lên. Đốt chìm thuyền, Lưu Ly bị chết cháy, thi thể chìm dưới nước.

Lúc ấy, Đức Phật nói kệ:

*Tạo lo đời sau lo
Làm ác hai đời lo
Kẻ ấy toàn lo sợ
Thấy tội tâm bất an.
Nay hối đời sau hối
Làm ác hai đời hối
Đây tự chuốc tai ương*

LINH SƠN PHÁP BẢO ĐẠI TẠNG KINH

Chịu tội đầy khổ não.

Phật nói kệ xong, liền bảo các Tỳ-kheo:

–Thái tử Kỳ-đà không tham vinh hoa địa vị chịu chết giữ đạo được sinh lên cõi trời sống tự tại an lạc. Còn vua Lưu Ly cuồng ngu buông lung tình ý, chết đọa địa ngục chịu biết bao đau khổ. Tất cả người đời không luận giàu sang hay nghèo hèn đều theo luật vô thường không thể trường tồn. Cho nên bậc Trượng phu thà hy sinh mạng sống để bảo toàn của báu tinh thần, hành vi.

Nghe Đức Phật dạy xong, ai ai cũng tin nhận.

M

Thí dụ 24:

Thuở xưa, sau núi Kỳ-xà-quật có hơn bảy mươi gia đình Bà-la-môn đủ phước duyên đáng độ. Đức Phật đến làng đó hiển bày thần thông để giáo hóa. Dân làng trông thấy hào quang rực rỡ của Phật, ai cũng sinh lòng kính phục. Đức Phật ngồi dưới một cội cây, hỏi các Bà-la-môn:

–Các ông ở trong núi này được bao nhiêu đời rồi? Làm nghề nghiệp gì để sống?

Họ đáp rằng:

–Chúng tôi ở đây đã hơn ba mươi đời, lấy việc canh tác, chăn nuôi làm nghề sinh sống.

Đức Phật lại hỏi:

–Các ông tu hạnh gì để cầu thoát ly sinh tử?

Họ đáp rằng:

–Thờ mặt trời, mặt trăng, lửa, nước, tùy thời tế tự. Nếu có người chết thì người trong làng lớn nhỏ tụ hội lại cầu nguyện cho thần hồn được sinh lên cõi trời Phạm thiên, thoát ly sinh tử.

Đức Phật nói với các Bà-la-môn:

–Làm ruộng, chăn nuôi, tế tự mặt trời mặt trăng lửa nước, cầu nguyện sinh Thiên không phải là pháp trường tồn xa lìa sinh tử. Phước lớn nhất không nơi nào hơn cõi trời thứ hai mươi tám mà nếu không có trí tuệ tu đạo vẫn bị đọa vào ba ác đạo. chỉ có xuất gia tu hạnh thanh tịnh, thân đạt tịch diệt mới được Niết-bàn.

Bấy giờ Đức Thế Tôn liền nói kệ:

*Cho chân là ngụy
Lấy ngụy làm chân
Đó là tà kiến
Không được lợi thật.
Biết chân là chân
Thấy ngụy là ngụy
Đó là chánh kiến
Quyết được thật lợi.
Người đời đều chết
Ba cõi không an
Chư Thiên tuy vui
Phước hết, mất mạng
Hãy quán thế gian*

LINH SƠN PHÁP BẢO ĐẠI TẠNG KINH

*Đã sinh phải tử
Muốn thoát sinh tử
Phải hành đạo chân.*

Bảy mươi vị Bà-la-môn nghe Đức Phật giảng xong, hoan hỷ tỏ ngộ, xin làm Sa-môn. Đức Phật bảo:

–Lành thay! Hãy lại đây các Tỳ-kheo.

Các vị ấy râu tóc liền tự rụng, thành tướng Tỳ-kheo. Đức Phật cùng với các vị ấy trở về tinh xá. Đi được nửa đường, các vị tân Tỳ-kheo bỗng nhớ vợ con, muốn trở về nhà. Lại nữa, lúc đó trời trở cơn mưa, càng thêm buồn thảm. Đức Phật biết ý, liền hóa ra vài mươi căn nhà bên đường, rồi cùng chúng Tỳ-kheo vào trú mưa. Lúc ấy mái nhà bị dột, nước mưa theo đó chảy vào. Nhân đây Đức Phật nói kệ:

*Nhà lợp không kín
Nước mưa lọt vào
Ý không siêng tu
Tham dục xen khởi.
Nhà lợp kín đáo
Mưa không lọt vào
Ý luôn siêng tu
Dục không xen khởi.*

Bảy mươi vị Tỳ-kheo nghe Đức Phật nói kệ xong, cố gắng tự sách tấn, song lòng vẫn còn âm thầm lưu luyến. Mưa dứt, mọi người lại lên đường. Đi một đoạn, Đức Phật gặp một tờ giấy cũ bèn bảo các Tỳ-kheo lượm lên. Các Tỳ-kheo vâng theo lời sai bảo lượm lên. Đức Phật hỏi các Tỳ-kheo:

–Đó là giấy gì vậy?

Các Tỳ-kheo đáp:

–Thưa đó là giấy gói hương, nay tuy đã quăng bỏ song mùi thơm vẫn còn.

Đi thêm đoạn nữa, gặp một sợi dây, Đức Phật cũng bảo các Tỳ-kheo nhặt lấy. Các Tỳ-kheo vâng theo lời sai bảo lượm lên. Đức Phật hỏi các Tỳ-kheo:

–Đó là dây gì vậy?

Các Tỳ-kheo đáp:

–Sợi dây này tanh hôi, chính là dây râu cá.

Đức Phật bèn dạy:

–Mọi vật bản chất vốn thanh tịnh, song do nhân duyên mà có phước tội khác nhau. Thân cận người hiền minh thì đạo đức cao cả, kết giao kẻ ngu ám thì tội nghiệp đến bên. Ví như tờ giấy và sợi dây kia, gần hương thì thơm, gần cá thì tanh, gần gũi dần dần huân tập trở thành bản tánh mà không tự biết.

Bấy giờ Đức Thế Tôn liền nói kệ:

*Kẻ xấu ô nhiễm người
Như gần vật hôi dơ
Mê dần, quen nét xấu
Thành ác mà chẳng hay.
Hiền nhân ảnh hưởng người
Như gần vật xông hương
Trí tăng, quen tánh thiện*

Thành hạnh lành sạch thơm.

Bảy mươi vị Tỳ-kheo một lần nữa được nghe Đức Phật nói kệ khai thị, biết rõ lòng tham luyến cửa nhà là rừng dơ bẩn, vợ con nào khác công xiềng, nhân đó liền phát khởi lòng tin kiên cố. Về đến tinh xá, mọi người nhiếp ý tu hành, chẳng bao lâu chứng quả A-la-hán.

M

Phẩm 11: PHÓNG DẬT

Thí dụ 25:

Thuở Phật còn tại thế, có năm trăm vị thương khách từ biển mang về nước rất nhiều đồ thất bảo. Chẳng may khi đi ngang một khu núi rừng bị quỷ thần làm mê hoặc lạc mất lối ra, sức cùng lực kiệt lại thêm đói khát nên tất cả đều mất mạng. Châu báu của cả vì thế bỏ lại rải rác giữa núi. Lúc ấy, có một vị Sa-môn đang tu trong núi, thấy chuyện như vậy liền khởi niệm: “Ta cực khổ tu hành đã bảy năm mà không đắc đạo, lại chịu nghèo khổ không có chút gì tự nuôi sống. Nay gặp những vật báu vô chủ này, ta hãy lấy đem về gây dựng nhà cửa cơ nghiệp.” Nghĩ vậy xong, Sa-môn bèn xuống núi gom lấy của báu giấu vào một chỗ rồi ra khỏi núi định tìm gọi anh em phụ mang về nhà. Đức Phật biết vị Tỳ-kheo này có thể độ được, bèn hóa ra một vị Tỳ-kheo-ni, cạo đầu đắp y mà lại trang điểm phấn son, vẽ mắt kẻ mày, đeo vàng ngọc đầy người. Vị Ni này đi vào núi, giữa đường gặp vị Sa-môn từ núi đi ra liền cúi đầu làm lễ hỏi thăm. Vị Sa-môn thấy cô Ni mà trang sức liền la rầy:

–Pháp tắc cô Ni làm như vậy có được chăng? Đã cạo đầu đắp y sao lại còn trang điểm, đeo đồ trang sức?

Tỳ-kheo-ni trả lời:

–Pháp tắc Sa-môn làm như vậy có được không? Đã cắt ái từ thân, học đạo nơi chốn rừng sâu sao lại còn lấy của phi pháp? Tham dục quên đạo, buông lòng phóng dật, không xét lẽ vô thường. Cuộc sống trên đời vốn tạm bợ, còn tội báo lại đeo đẳng kéo dài.

Bấy giờ, vị Tỳ-kheo-ni nói kệ:

*Tỳ-kheo cẩn thận giới
Phóng dật lỗi lầm nhiều
Đổi thay nhỏ đến lớn
Ác thành bị lửa thiêu.
Giữ giới phước an vui
Phạm giới tâm lo sợ
Dứt được lâu ba cõi
Vị ấy gần Niết-bàn.*

Vị Tỳ-kheo-ni nói kệ xong, liền hiện lại thân Phật tướng hảo quang minh. Sa-môn trông thấy kinh sợ dựng tóc gáy, vội cúi đầu đánh lễ, phát lộ sám hối:

–Con vì ngu si lầm lạc mà vi phạm chánh giáo. Đã dấn sâu không thể quay trở lại, giờ biết tính sao đây?

Bấy giờ Đức Thế Tôn nói kệ:

Nếu trước phóng dật

*Sau biết tự ngăn
Nhờ sức niệm định
Tỏa sáng khắp trần.
Lâm nên gây ác
Sau đổi làm lành
Nhờ sức niệm thiện
Tỏa sáng khắp trần.
Tuổi trẻ xuất gia
Siêng tu pháp Phật
Như trăng khỏi mây
Chiếu sáng khắp trần.
Người trước làm ác
Sau ngưng không phạm
Như trăng khỏi mây
Chiếu sáng khắp trần.*

Bấy giờ vị Tỳ-kheo nghe xong, dứt bỏ mọi kết sử, không còn niệm tham, đánh lễ dưới chân Phật. Rồi vị ấy trở về núi, ngồi dưới một gốc cây nỗ lực tu quán niệm hơi thở, không bao lâu chứng quả A-la-hán.

M

Phẩm 12: TÂM Ý

Thí dụ 26:

Thuở Đức Phật còn tại thế, có một vị Đạo nhân tu dưới một cội cây bên bờ sông, suốt mười hai năm trời mà tham tưởng vẫn không dứt được. Tâm ý luôn phân tán như nghĩ lục đục: Mắt đối sắc, tai nghe tiếng, mũi ngửi mùi, lưỡi nếm vị, thân xúc chạm, ý duyên pháp. Thân tuy yên mà ý lang thang chưa từng tĩnh lặng. Vì thế, dầu dụng công suốt mười hai năm mà vị ấy vẫn không đắc đạo.

Đức Phật biết ông có thể độ được nên hóa ra một vị Sa-môn đi đến chỗ đó, cùng ngồi dưới cội cây. Một lát sau trăng mọc, có một con rùa bò từ dưới sông lên đến gần gốc cây. Lại có một con rái cá đang đói đi kiếm ăn, bỗng gặp con rùa liền định ăn thịt. Con rùa vội rút đầu đuôi và bốn chân vào mai, vì vậy rái cá không thể tấp được. Rái cá rời xa chút ít thì rùa lại thò đầu đuôi tứ chi ra đi tiếp. Rái cá không thể làm gì được nên rùa thoát nạn.

Vị Đạo nhân trông thấy nói với Sa-môn được hóa ra:

–Con rùa có áo giáp bảo vệ thân mạng nên rái cá không làm gì được.

Hóa Sa-môn đáp:

–Tôi nghĩ rằng người đời không bằng con rùa này. Họ không biết lẽ vô thường buông lung lục tình, ngoại ma do đó có cơ hội xâm nhập. Thân hoại thần đi, sinh tử mệnh mang, luân chuyển trong năm nẻo, chịu khổ não vô lượng đều do ý mà ra. Vì vậy nên tự sách tấn cầu chỗ an ổn diệt độ.

Bấy giờ vị hóa Sa-môn liền nói kệ:

*Thân này chẳng bền
Phải về đất sâu*

Hình rã, thân đi
Sống tạm, chớ cầu.
Chỗ tâm suy lường
Rắc rối khó tường
Nghĩ tưởng điều quấy
Tự chuốc tai ương.
Tự mình gây tạo
Chẳng phải mẹ cha
Gắng theo nẻo chánh
Chớ quay lại tà.
Nhiếp căn như “quy”
Phòng ý giữ trì thành
Trí đẹp ma chướng
Thắng, hết hiểm nguy.

Vị Tỳ-kheo nghe kệ xong, tâm tham dứt sạch, vọng tưởng lặng trong, liền đắc quả A-la-hán. Vị tân A-la-hán này liền biết hóa Sa-môn chính là Đức Phật nên sửa y cung kính đảnh lễ. Trời rồng quý thần ai cũng hoan hỷ.

M

Phẩm 13: HOA HƯƠNG

Thí dụ 27:

Thuở xưa, Đức Phật trú tại nước Xá-vệ. Giữa vùng biển phía Đông nam nước này có một cái đài, trên đài có một cây nở hoa thơm ngát, trong sạch.

Lúc ấy, có năm trăm cô gái dòng Bà-la-môn theo ngoại đạo tu hành rất tinh tấn, song không hề biết gì về Phật pháp. Họ bàn với nhau:

–Chúng ta sinh ra mang thân phụ nữ, từ trẻ đến già đều bị ba điều ràng buộc không thể tự do. Lại nữa mạng sống ngắn ngủi, thân như huyễn hóa rồi sẽ tử vong. Chi bằng chúng ta hãy cùng nhau đến đài hoa thơm, hái hoa thờ cúng, tinh tấn trì trai, quy y Phạm thiên, nguyện được sinh lên cõi trời đó sống lâu bất tử, lại được tự tại không có ràng buộc, lìa các tội nghiệp không còn ưu hoạn.”

Bàn xong, các cô liền sửa soạn đồ cúng đến đài đó, hái hoa thơm thờ cúng Phạm thiên, nhất tâm trì trai nguyện quy y với Thần minh.

Bấy giờ Đức Thế Tôn quán sát các cô tuy giữ trai giới theo thế tục mà tâm có thể độ được. Cho nên Ngài cùng với đại chúng đệ tử, Bồ-tát, Trời, Rồng, Quỷ, Thần dùng thần thông bay đến ngồi dưới cội cây. Các cô thấy vậy vô cùng hoan hỷ, cho là Phạm thiên cảm được lòng thành cầu nguyện của mình mà giáng hạ. Lúc ấy có một Thần nhân nói với các cô:

–Đây không phải là Phạm thiên mà là Đấng Tam Giới Tôn hiệu là Phật, cứu độ chúng sinh vô số.

Các cô nghe vậy liền đến trước Phật đảnh lễ, rồi bạch:

–Chúng con nhiều như uế nay phải mang thân nữ, vì mong thoát khỏi sự ràng buộc kiểm thúc, nên nguyện sinh lên cõi trời Phạm thiên.

Đức Phật nói:

–Các cô vì muốn được thiện lợi nên phát nguyện như vậy. Trên đời có hai việc mà

LINH SƠN PHÁP BẢO ĐẠI TẠNG KINH

quả báo rõ ràng: Làm thiện được phước, làm ác chịu họa. Thế gian đau khổ, chư Thiên vui sướng. Hữu vi phiền não, vô vi tịch tĩnh. Mấy ai có thể chọn lựa lấy điều chân thật. Lành thay, các cô lại có tâm ý sáng suốt!

Bấy giờ Đức Thế Tôn liền nói kệ:

*Ai biết rõ cõi đất
Khởi địa ngục, sinh Thiên?
Ai giảng nói Pháp cú
Như chọn hoa đẹp tươi?
Hữu học rõ cõi đất
Khởi địa ngục, sinh Thiên
Và khéo nói Pháp cú
Hái được hoa công đức.
Biết thế gian mong manh
Pháp huyễn hóa tạm có
Bẻ gãy bẫy ma dụ
Không còn có tử sinh.
Thấy thân như bọt nước
Pháp tánh vốn huyễn hư
Bẻ gãy bẫy ma dụ
Không còn có huyễn hư.*

Các cô nghe Đức Phật nói kệ xong, nguyện tu học theo chánh đạo, làm Tỳ-kheo-ni. Đức Phật hứa khả, tóc các cô tự rụng, đầy đủ pháp phục, tư duy lễ tịch tĩnh, chứng quả A-la-hán.

Ngài A-nan bạch với Phật rằng:

–Bạch Đức Thế Tôn, các vị ấy có phước gì mà được Thế Tôn đến độ, vừa nghe Phật thuyết pháp liền xuất gia đắc đạo?

Phật bảo A-nan: “Thời Đức Phật Ca-diếp có một vị trưởng giả giàu có, tài sản vô số. Vợ và hầu thiếp của ông đến số năm trăm. Nhưng tánh ông lại hay ghen, cửa nhà không thể vô cơ mà mở ra được. Các bà vợ muốn đến lễ Phật, nhưng rốt lại ông cũng không cho.

Một hôm, quốc vương cho mời các đại thần vào cung dự tiệc suốt một ngày. Các bà nhân dịp trưởng giả đi dự tiệc mới cùng nhau đến chỗ Đức Phật đánh lễ, rồi ngồi giây lâu nghe kinh. Các bà đồng phát nguyện:

–Xin cho chúng con đời đời không gặp người ác, sinh ra chỗ nào thường gặp Thánh nhân đạo đức. Chúng con nghe rằng đời vị lai có Đức Phật hiệu là Thích-ca Văn, xin cho chúng con được gặp, xuất gia học đạo, phụng trì giáo huấn.

Đức Phật nói với A-nan:

–Năm trăm phu nhân thưở ấy là năm trăm vị Tỳ-kheo-ni hiện nay. Do bốn nguyện khẩn thiết nên nay được độ và cũng vì lẽ đó ta đến để giáo hóa họ.

Đức Phật nói xong, không ai là không hoan hỷ.

